

LỤC TỜ HUỆ NẮNG
(638 – 713)

KINH KIM CƯƠNG BÁT NHÃ GIẢNG NGHĨA

NGUYỄN HIÊN DỊCH

Lời nói đầu

Bản kinh Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật do Lục tổ Huệ Năng giảng nghĩa được tìm thấy trong Tục Tạng Kinh Trung Hoa (Vạn, số 459 A) chưa được dịch ra tiếng Việt.

Hôm nay tôi cố gắng dịch để gửi tặng chư Tăng Ni và Phật tử Việt Nam tại quốc nội cũng như ở hải ngoại nhân mùa Phật Đản Vesak 2008, kèm theo bản dịch Anh ngữ của Thomas Cleary.

Bản dịch chính văn của Kinh Kim Cương Bát-nhã thì Tổ Huệ Năng đã theo bản Hán dịch của Tam tạng pháp sư Cưu-ma-la-thập, phần phân mục này theo Thái tử Chiêu Minh. Nay trong bản dịch tiếng Việt này, phần chính văn Kinh Kim Cương Bát-nhã thì tôi theo bản Việt dịch của Hòa thượng Thích Trí Quang, phần phân mục tôi vẫn giữ theo Thái tử Chiêu Minh.

Sơ dĩ bản dịch Anh ngữ của Thomas Cleary được kèm theo là để giúp quý Tăng Ni Phật tử tiện nghiên cứu các danh từ Phật học Anh ngữ, cũng để giúp các Phật tử Việt Nam ở hải ngoại có thể đọc tụng Kinh Kim Cương bằng Anh ngữ.

Kinh Kim Cương và Pháp Hoa là hai kinh được trì tụng nhiều nhất ở Việt Nam và Trung Hoa. Những sự linh nghiệm xảy ra ở Trung Hoa còn được ghi lại thì Kinh Kim Cương có 113 tờ, so với 37 tờ của Kinh Pháp Hoa (Vạn, 149/38-150)

Kinh Kim Cương liên hệ trọn vẹn đối với Lục tổ Huệ Năng, từ khi thoát nghe cho đến khi được trao truyền y bát làm Tổ thứ 6 của Thiền tông Trung Hoa. Thật là thích thú khi được đọc, nghiên cứu những giải thích, giảng nghĩa của Tổ Huệ Năng. Ngộ nhập Kinh Kim Cương tức ngộ nhập Phật tâm, vào Vô thượng chính đẳng Bồ-đề.

Tôi xin chân thành cảm ơn Cư sĩ Nguyên Hồng đã đọc lại, hiệu chỉnh bản văn trước khi in. Dịch Hán văn cổ của thế kỷ thứ 8, chắc không sao tránh khỏi khuyết điểm, mong các vị cao minh chỉ giáo để kỳ tái bản được hoàn chỉnh hơn.

Tôi xin đề tặng bản quyền của dịch phẩm này cho Trung tâm văn hóa Phật giáo Liễu Quán Huế.

California, mùa Vesak 2008
Nguyễn Hiến

Bài tựa

Kinh Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật giảng nghĩa

Nguyên tác : Lục tổ Huệ Năng

Việt dịch : Nguyên Hiền

Kinh Kim Cương lấy vô tướng làm tông, vô trụ làm thể, diệu hữu làm dụng. Từ khi Bồ-đề Đạt-ma đến từ Tây Trúc truyền trao ý chỉ kinh này khiến người đời ngộ lý đạo, thấy tính. Chỉ vì người đời không thấy tự tính nên lập pháp môn kiến tính, nếu thấy được bản thể chân như thì chẳng cần lập pháp môn.

Kinh Kim Cương Bát-nhã này được vô số người đọc tụng, vô biên người xưng tán, có hơn tám trăm nhà luận giải. Sự tạo luận tùy theo cái thấy của mỗi người. Năng lực thấy đạo đầu không đồng, nhưng chân lý thì không hai.

Những người thượng căn một lần nghe liền liễu ngộ. Những người độn căn đầu đọc tụng nhiều nhưng không thông đạt Phật ý. Đó là lý do cần giải thích nghĩa lý của Thánh nhân để đoạn trừ nghi lầm. Nếu hiểu được ý chỉ của kinh, không còn nghi lầm, thì không cần giải thích.

Như Lai từ ngàn xưa thuyết giảng thiện pháp là để diệt trừ tâm xấu ác của phàm phu. Kinh là lời dạy của Thánh nhân để người đời nghe lĩnh hội mà vượt qua thân phận phàm phu, thấy thánh đạo, vĩnh viễn diệt trừ mê tâm.

Một quyển kinh văn này, tự tính chúng sinh đều có mà không thấy bởi chỉ đọc tụng lời văn. Nếu ngộ được bản tâm thì biết ngay rằng kinh chẳng ở nơi văn tự. Có khả năng thấy rõ tự tính mới có thể tin rằng tất cả chư Phật đều từ kinh này mà ra.

Nay sợ người đời tìm Phật ngoài thân, hướng ra ngoài mà kiếm kinh, không khai phát nội tâm, không gìn giữ cái ý nghĩa kinh trong tâm của mình, vì vậy mới phải tạo luận, giải quyết nghi lầm để người tu học biết giữ lấy kinh trong tâm của mình, thấu rõ Phật tâm thanh tịnh vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn.

Nếu kẻ hậu học đọc kinh còn nghi ngờ, đọc lời giải thích này các nghi vấn sẽ tan dứt. Mong người tu học biết có vàng trong quặng và dùng lửa trí tuệ nấu chảy quặng để được vàng.

Đức Bản sư Thích-ca nói Kinh Kim Cương tại nước Xá-vệ (Shravasti) là do Tu-bồ-đề (Subhuti) thưa thỉnh. Phật từ bi tuyên thuyết, Tu-bồ-đề nghe pháp tỏ ngộ xin Phật đặt tên kinh để người sau theo đó mà thụ trì. Vì vậy trong kinh có nói : “Phật bảo Tu-bồ-đề kinh này tên là Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật (Vajra - Prajñapāramitā), ông nên phụng trì như vậy !”

Như Lai nói Kinh Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật là ẩn dụ cho chân lý. Nghĩa ấy thế nào ? Kim cương là báu vật của thế giới, tính cứng sắc bén có thể làm vỡ nát các vật.

Kim loại tuy rất cứng, sừng linh dương có thể phá hoại. Kim cương dụ Phật tính, sừng linh dương dụ phiền não. Kim loại tuy cứng, sừng linh dương vẫn có thể phá hoại. Phật tính tuy kiên cố, phiền não vẫn có thể nhiễu loạn. Phiền não tuy cứng chắc, trí Bát-nhã vẫn phá được. Sừng linh dương tuy cứng chắc nhưng sắt thép có thể cắt được.

Người ngộ lý này tức thấy được Phật tính.

Kinh Niết-bàn nói : “Người thấy được Phật tính, không gọi là chúng sinh, không thấy Phật tính, gọi là chúng sinh.” Như Lai ví dụ kim cương vì người đời tính không kiên cố, tuy miệng tụng kinh mà ánh sáng tuệ giác không phát. Nếu ngoài tụng trong hành trì, ánh sáng tuệ giác sẽ phát sinh. Nếu nội tâm không kiên cố thì định tuệ liền mất. Miệng tụng tâm hành định tuệ đồng đẳng, như vậy là rất ráo.

Vàng ở trong núi, núi không biết vàng là báu. Báu vật không biết núi, núi không biết báu vật. Vì sao ? Vì vật là vô tính.

Con người là hữu tính, biết sử dụng của báu. Nếu tìm được thợ mỏ, đục núi phá đá, lấy quặng đúc luyện thành vàng ròng, tùy ý sử dụng không còn nghèo khổ.

Cũng thế, Phật tính ở trong thân tứ đại này. Thân dụ thế giới, nhân ngã dụ núi cao, phiền não dụ quặng mỏ. Phật tính dụ vàng, trí tuệ dụ thợ mỏ, tinh tiến dũng mãnh dụ cho sự công phá đúc luyện.

Trong thế giới của thân có núi nhân ngã, trong núi nhân ngã có quặng mỏ phiền não, trong quặng mỏ phiền não có báu vật Phật tính, trong báu vật Phật tính có thợ trí tuệ.

Dùng thợ trí tuệ công phá núi nhân ngã, sẽ thấy có quặng mỏ phiền não. Dùng lửa giác ngộ luyện rèn, sẽ thấy được Phật tính kim cương của mình trong sạch chiếu sáng.

Vì vậy kim cương được dùng làm ví dụ và đặt tên kinh là như thế.

Nếu chỉ hiểu suông mà không thực hành, tức chỉ có tên không có thực chất. Nếu có trí có hành, tức có tên và bản chất đầy đủ. Không tu là phàm phu, tu là tương đồng với Thánh trí, nên gọi là kim cương.

Bát-nhã là gì ? Bát-nhã (Prajñā) là danh từ tiếng Phạn, tiếng Trung Hoa là trí tuệ. Người trí không khởi tâm mê, người tuệ có phương tiện khéo léo. Tuệ là thể của trí, trí là dụng của tuệ.

Nếu trong thể có tuệ thì dụng trí không ngu. Thể mà không có tuệ thì dụng ngu không trí. Vì ngu si chưa ngộ nên tu trí tuệ để diệt trừ, cho nên gọi là Ba-la-mật.

Ba-la-mật (Pāramitā) là gì ? Tiếng Trung Hoa nghĩa là đến bờ kia. Đến bờ kia nghĩa là thoát ly sinh diệt. Vì người đời tính không kiên cố, đối với tất cả vạn vật đều khởi ý tưởng sinh diệt, trôi lăn trong các nẻo, chưa đến bờ Chân như, nên gọi là bờ bên này. Điều thiết yếu là có đại trí tuệ đối với tất cả pháp, hoàn toàn xa lìa ý tưởng sinh diệt, tức là đến bờ kia.

Vậy nên nói tâm mê là bờ này, tâm ngộ là bờ kia. Tâm tà là bờ này, tâm chính là bờ kia. Miệng nói tâm hành tức tự Pháp thân có Ba-la-mật. Miệng nói tâm chẳng hành, tức không có Ba-la-mật.

Sao gọi là kinh ? Kinh là con đường để thành tựu Phật đạo. Phàm người muốn phát tâm thành tựu Phật đạo, trong tâm phải tu hạnh Bát-nhã cho đến chỗ rốt ráo. Còn như chỉ miệng tụng niệm suông mà tâm không y theo đó hành trì thì tự tâm không có kinh. Thấy đúng, thật hành đúng là tự tâm có kinh. Vì vậy Như Lai đặt tên kinh này là Kinh Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật./.

TỤC TẠNG ĐẠI CHÍNH TÂN TU ĐẠI TẠNG KINH
BẢN CHỮ 𠄎 SỐ 459 A

TÀO KHÊ LỤC TỔ HUỆ NĂNG SOẠN LUẬN
KINH KIM CƯƠNG BÁT NHÃ BA LA MẬT

Tam tạng pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumārajīva) Hán dịch
Thái tử Chiêu Minh phân mục
Lục tổ Đại Giám Chân Không Phổ Giác thiền sư giải nghĩa
Nguyễn Hiền Việt dịch

I- Nhân duyên pháp hội

“ Tôi nghe như vậy. ”

Chữ “như” chỉ ý nghĩa, chữ “vậy” là tiếng xác định. Ý A-nan (Ananda) nói như sau :

Tôi nghe pháp này từ đức Phật, rõ ràng không phải tự tôi nói ra. Vì vậy nói :” Tôi nghe như vậy “

Lại nữa chữ tôi là tính. Tính tức là ngã. Nội ngoại khởi động đều do tính. Vì nghe đầy đủ tất cả nên nói là “Tôi nghe”.

“Một thời Phật ở nước Xá-vệ vườn ông Cấp cô độc, cây của Thái tử Kỳ-đà,”

Một thời, là chỉ vào lúc người thuyết pháp và người nghe pháp cùng hội họp đầy đủ. Phật là người thuyết pháp. Thành Xá-vệ (Shravasti) là nơi khai pháp hội này. Thành Xá-vệ của vua Ba-tư-nặc (Prasenajit) thuộc vương quốc Kosala. Vì tôn kính đức Phật nên Thái tử Kỳ-đà (Jeta) đã hiến cúng toàn bộ cây trong vườn, khi trưởng giả Cấp cô độc (Sudatta) mua khu vườn cúng dường đức Phật.

Phật (Buddha) là danh từ tiếng Phạn, dịch nghĩa tiếng Trung Hoa là Giác giả. Giác

có hai nghĩa, một là ngoại giác tức quán các pháp là không, hai là nội giác tức tâm vắng lặng không bị sáu trần nhiễm ô. Ngoài không thấy lỗi người, trong không bị mê hoặc nên gọi là giác. Giác tức là Phật.

“ cùng một ngàn hai trăm năm mươi đại Tì-kheo. ”

“Cùng” nghĩa là Phật cùng với chúng Tì-kheo đồng ở tại đạo tràng Kim cương Bát-nhã vô tướng. Chúng đại Tì-kheo là các vị đại A-la-hán. Tì-kheo (Bhikshu) tiếng Phạn có nghĩa là phá lục tặc nên gọi là Tì-kheo. Chúng là nhiều. Một ngàn hai trăm năm mươi người, số ấy đều ở trong pháp hội bình đẳng.

“Bảy giờ đến giờ ăn, Thế Tôn mặc y cầm bát vào khất thực trong thành Xá-vệ, ”

Lúc bảy giờ gần đến buổi trưa, giờ ngo trai, Phật đắp y cầm bát là để hiển bày thân

giáo. Nói vào là từ ngoài thành vào. Thành lớn Xá-vệ là thành giàu có và phúc đức của vua Ba-tư-nặc. Nói khát thực là nói Như Lai có thể hạ tâm chiếu cố đến tất cả chúng sinh.

“tuần tự khát thực trong thành rồi trở về chỗ ở, ăn uống xong, thu xếp y bát, rửa chân, trải tọa cụ mà ngồi.”

Tuần tự là chẳng chọn giàu nghèo, bình đẳng hóa độ. Sau khi khát thực không quá bảy nhà, không nhiều hơn, thì trở về chỗ ở, vì đức Phật có ý ngăn các Tì-kheo, không nên vào nhà người nếu không được mời thỉnh.

Trong câu có chữ rửa chân, đó là đức Phật thị hiện giống như người thường. Lại nữa, trong Đại thừa, rửa chân tay chưa đủ để gọi là thanh tịnh, không bằng thanh tịnh tâm mình. Nhất niệm tâm tịnh, tất cả tội lỗi tiêu trừ.

Nay Như Lai muốn thuyết pháp, lập đàn bố thí, nên nói trải tọa cụ mà ngồi.

2- Tu-bồ-đề thưa hỏi

“Lúc ấy trưởng lão Tu-bồ-đề”

Sao có tên gọi trưởng lão ? Đức hạnh cao trọng và tuổi lớn gọi là trưởng lão.

Tu-bồ-đề tiếng Phạn là Sabhuti, tiếng Trung Hoa dịch là Giải không, hoặc Thiện hiện.

“trong các đại Tì-kheo, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên phải, gồi phải quỳ sát đất, chấp tay cung kính bạch Phật :”

Theo chúng mà ngồi nên nói liền từ chỗ ngồi đứng dậy. Đệ tử trước khi khởi thỉnh có 5 động tác : một là từ chỗ ngồi đứng dậy, hai là sửa sang y phục, ba là trịch vai áo bên phải, gồi phải quỳ xuống, bốn là chấp tay chiêm ngưỡng tôn nhan mắt chẳng tạm rời, năm là nhất tâm cung kính thưa thỉnh.

“ –Thưa Thế Tôn !Thật là hiếm có.”

Hiếm có, nói tóm có ba nghĩa. Hiếm có thứ nhất là có thể lìa ngôi vị kim luân vương. Hiếm có thứ hai là thân vàng một trượng sáu với 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp, ba cõi không ai bằng. Hiếm có thứ ba là tính năng hàm chứa tám vạn bốn ngàn pháp môn, ba thân đầy đủ.

Đủ ba nghĩa trên đây nên nói thật là hiếm có. Thế Tôn trí tuệ siêu việt ba cõi không ai sánh bằng, đạo đức cao vô thượng, tất cả thế gian đều cung kính nên gọi là Thế Tôn.

“N hư Lai khéo hộ niệm các Bồ-tát, khéo dặn bảo các Bồ-tát.”

Hộ niệm là Như Lai dùng trí Bát-nhã Ba-la-mật giúp đỡ các Bồ-tát, dặn bảo là Như Lai lấy pháp Bát-nhã Ba-la-mật dặn bảo Tu-bồ-đề và các đại Bồ-tát.

Khéo hộ niệm còn có nghĩa khiến các vị tu học dùng trí tuệ Bát-nhã tự hộ niệm thân tâm, không cho khởi ý niệm yêu ghét, ngoài nhiễm sáu trần, rơi xuống biển khổ sinh tử. Tự tâm bên trong, mỗi niệm mỗi niệm thường chân chính, khiến tâm không khởi việc tà. Tự tính Như Lai tự khéo hộ niệm.

Nói khéo dặn bảo là dặn dò giữ niệm trước thanh tịnh, niệm sau cũng phải thanh tịnh, không gián đoạn, cứu cánh giải thoát.

Như Lai cận kề dặn bảo chúng sinh cùng chúng hội hiện tiền thường thực hành như vậy, nên nói khéo dặn bảo.

Bồ-tát tiếng Phạn Bodhisattva dịch nghĩa là chúng sinh có đạo tâm, cũng có nghĩa là người đã tỉnh thức. Đạo tâm là thường hành cung kính tôn trọng, cho đến sâu bọ cũng đều đem lòng kính yêu không khinh mạn, nên gọi là Bồ-tát.

“ –Thưa Thế Tôn ! Thiện nam thiện nữ”

Thiện nam là người có tâm bình thản, có tâm chính định, có khả năng thành tựu tất cả công đức không gì trở ngại.

Thiện nữ là người có tâm chính tuệ, do tâm chính tuệ nên có khả năng xuất sinh tất cả công đức vô vi.

“đã phát tâm Vô thượng Bồ-đề, làm sao có thể an trụ, làm sao hàng phục được tâm mình ?”

Tu-bồ-đề hỏi Phật rằng với những người phát tâm Bồ-đề, làm sao có thể an trụ làm sao có thể hàng phục tâm. Vì Tu-bồ-đề thấy tất cả chúng sinh tâm loạn động không ngừng, như bụi bay xao động, nổi lên như gió cuốn, niệm niệm nối nhau không dừng nghỉ nên xin Phật chỉ dạy làm sao an trụ và hàng phục tâm mình khi tu tập.

“Phật nói : Hay lắm Tu-bồ-đề! Thật đúng như ông nói, Như Lai khéo hộ niệm các Bồ-tát, khéo dặn bảo các Bồ-tát.”

Đây là lời Phật khen Tu-bồ-đề đã hiểu được tâm của Phật, đã hiểu được ý của Phật.

“Nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì ông nói.”

Trước khi thuyết pháp Phật thường răn dạy thính chúng nhất tâm nghe cho rõ.

“Thiện nam thiện nữ phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề nên an trụ và hàng phục tâm mình như thế này.”

A là vô, Nậu-đa-la là thượng, Tam là chính, Miệu là biến, Bồ-đề là trí (Anuttara Samyak Sambodhi). Vô là không cầu nhiễm, thượng là ba cõi không thể sánh, chính là chính kiến, biến trí là nhất thiết trí, biết tất cả

hữu tình đều có Phật tính, chỉ cần năng tu hành cuối cùng sẽ thành Phật. Phật tức vô thượng thanh tịnh Bát-nhã Ba-la-mật.

Vì vậy tất cả thiện nam thiện nữ muốn tu hành phải biết đạo vô thượng Bồ-đề, phải biết pháp vô thượng thanh tịnh Bát-nhã Ba-la-mật để chế ngự tâm mình.

“–Thưa vâng Thế Tôn, chúng con xin muốn được nghe.”

Thưa vâng là lời đáp. Xin muốn là xin Phật nói rộng rãi cho hạng căn cơ vừa và thấp đều được khai ngộ. Muốn là muốn nghe pháp sâu xa. Muốn nghe là khao khát những lời dạy từ bi của Phật

3- Đại thừa chính tông

“Phật bảo Tu-bồ-đề : Các Bồ-tát Ma-ha-tát phải hàng phục tâm mình như vậy.”

Niệm trước thanh tịnh niệm sau thanh tịnh gọi là Bồ-tát. Niệm niệm không thoái lui, tuy ở trong trần lao nhưng tâm thường thanh tịnh là Ma-ha-tát. Lại nữa từ bi hỷ xả, dùng mọi phương tiện hóa độ chúng sinh là Bồ-tát. Tâm không chấp trước việc mình hóa độ ai, ai được mình hóa độ, gọi là Ma-ha-tát. Tôn trọng tất cả chúng sinh chính là chế ngự tâm mình. Chân là bất biến, như là không đổi khác. Gặp các cảnh giới tâm vẫn không biến không đổi gọi là Chân như. Cũng nói ngoài không giả là Chân, trong không loạn là Như. Niệm niệm không sai, chính là chế ngự tâm mình.

“Có tất cả bao nhiêu chúng sinh, nào sinh trứng, nào sinh thai, nào sinh nơi ẩm ướt, nào hóa sinh, nào có hình sắc, nào không hình sắc, nào có tướng, nào không có tướng, nào chẳng phải có tướng, nào chẳng phải không có tướng, ta đều khiến nhập Niết-bàn vô dư,”

Sinh trứng là tính mê, sinh thai là tính tập khí, sinh nơi ẩm ướt là tính theo tà, hóa sinh là tính chỉ thấy nẻo đến. Vì mê nên tạo các nghiệp, vì tập khí nên thường lưu chuyển, vì theo tà nên tâm bất định, vì chỉ thấy nẻo đến nên phần nhiều thiên lệch mà đọa lạc.

Tu tâm mà khởi tâm thấy điều thị phi, trong không phù hợp với lý vô tướng, gọi là có hình sắc. Giữ nội tâm ngay thẳng mà không làm việc cung kính cúng dường, cứ nói tâm ngay thẳng là Phật, rồi không chịu tu phúc tuệ, gọi là không hình sắc. Không hiểu lý trung đạo, mắt thấy tai nghe, tâm tưởng tư duy, yêu đắm pháp tướng, miệng nói Phật hạnh mà tâm không làm theo Phật hạnh, gọi là có tướng. Người mê, ngồi thiền chỉ lo trừ vọng không tu học từ bi hỷ xả trí tuệ phương tiện, thì cũng như gỗ đá chẳng có tác dụng, đó là không có tướng. Không chấp trước cái tướng hai pháp, nên gọi là chẳng phải có tướng. Cầu lý tại tâm, nên gọi là chẳng phải

không có tướng. Muôn vàn phiền não sai biệt đều là cấu uế của tâm. Hình loại vô số đều là chúng sinh. Như Lai đại bi giáo hóa tất cả khiến nhập Niết-bàn vô dư.

“mà diệt độ chúng.”

Như Lai chỉ bày chúng sinh trong ba cõi chín bậc, tất cả đều có Niết-bàn diệu tâm, khiến tự ngộ nhập Niết-bàn vô dư.

Vô dư là không còn tập khí phiền não.

Niết-bàn là viên mãn thanh tịnh.

Diệt hết tất cả tập khí phiền não khiến vĩnh viễn không sinh khởi trở lại.

Độ là vượt khỏi biển lớn sinh tử.

Tâm Phật bình đẳng, muốn tất cả chúng sinh cùng nhập viên mãn thanh tịnh Niết-bàn vô dư, cùng vượt khỏi biển lớn sinh tử, cùng chứng được như chư Phật.

Có người dầu ngộ dầu tu mà khởi tâm có chúng có đấng, sinh ý tưởng chấp ngã, nên gọi

là pháp ngã. Chỉ khi nào không còn pháp ngã mới được gọi là diệt độ.

“Diệt độ vô lượng vô số chúng sinh như vậy đó, mà thật không thấy có chúng sinh nào được diệt độ.”

Như vậy đó, là chỉ cái pháp nói ở trước. Diệt độ nghĩa là đại giải thoát. Đại giải thoát là tất cả phiền não và tập khí, tất cả nghiệp chướng đều tiêu diệt không còn thừa sót, nên gọi là đại giải thoát. Vô lượng vô số vô biên chúng sinh vốn đều tự có tất cả phiền não tham sân ác nghiệp, nếu không đoạn trừ thì không bao giờ được giải thoát. Cho nên nói : Diệt độ vô lượng vô số vô biên chúng sinh như vậy đó.

Khi tất cả những người mê tở ngộ được tính mình thì mới hiểu rằng Phật chẳng thấy có tướng riêng mình, chẳng có trí tuệ riêng mình, thì sao lại nói độ thoát chúng sinh ? Chỉ vì phàm phu không thấy bản tâm, không

hiếu ý Phật, chấp trước các tướng, không thấu triệt đạo lý vô vi, không dứt trừ ngã nhân, nên gọi là chúng sinh. Nếu lìa bỏ căn bệnh này thì thật không có chúng sinh được diệt độ. Cho nên nói không có chỗ cho vọng tâm, tức là Bồ-đề. Sinh tử Niết-bàn vốn bình đẳng, làm gì có diệt độ !

“Bởi vì sao ? Tu-bồ-đề ! Nếu Bồ-tát còn chấp tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả tức chẳng phải Bồ-tát.”

Chúng sinh và Phật tính vốn không khác nhau. Vì có bốn tướng nên không nhập được Niết-bàn vô dư.

Có bốn tướng tức là chúng sinh.

Không bốn tướng tức là Phật.

Mê thì Phật là chúng sinh.

Ngộ thì chúng sinh là Phật.

Người mê cây có tiền cửa, học văn, danh phận, khinh chê mọi người, nên nói là có ngã tướng.

Tuy thực hành nhân nghĩa lễ trí tín mà còn có ý tưởng cao ngạo tự phụ, không cung kính đều khắp, cứ nói ta biết hạnh nhân nghĩa lễ trí tín nên ta không cần tôn kính. Đó gọi là nhân tướng.

Việc tốt đem về mình, việc xấu đẩy cho người. Đó là chúng sinh tướng.

Đôi cảnh thì phân biệt, lấy cái này bỏ cái kia, gọi là thọ giả tướng.

Trên đây là bốn tướng của kẻ phàm phu.

Người tu hành cũng có bốn tướng. Tâm còn phân biệt năng sở chủ khách, khinh chê người khác gọi là ngã tướng.

Nhàm chán ba đường khổ, ước nguyện sinh về các cõi trời là chúng sinh tướng.

Siêng tu phúc để cầu sống lâu mà không bỏ các chấp trước là thọ giả tướng.

Có bốn tướng tức là chúng sinh.

Không bốn tướng tức là Phật.

4- Hạnh vô trụ

“Lại nữa Tu-bồ-đề ! Bồ-tát phải làm bố thí mà không trụ ở một chỗ nào. Nghĩa là không trụ ở sắc mà bố thí, không trụ ở thanh, hương, vị xúc, pháp mà bố thí.”

Phàm phu khi bố thí chỉ mong cầu thân tướng đoan trang, năm dục khoái lạc, nên khi phúc báo hết lại đọa ba đường ác.

Thế Tôn đại từ, dạy hạnh vô tướng bố thí là không cầu thân tướng đoan trang, năm dục khoái lạc, chỉ khiến trong thì phá tâm tham lam, ngoài thì làm lợi ích chúng sinh. Tương ưng khế hợp như vậy gọi là không trụ sắc bố thí.

“Tu-bồ-đề ! Bồ-tát phải không trụ tướng mà bố thí như vậy.”

Nên bố thí với tâm không trụ tướng tức là không có cái tâm thấy mình là người bố thí, không thấy có vật mình bố thí, không phân

biệt người nhận của bố thí, đó gọi là bố thí không trụ tướng.

“ Bởi vì sao ? Nếu Bồ-tát bố thí không trụ tướng thì phúc đức ấy không thể lường hết. ”

Bồ-tát hành bố thí, tâm không mong cầu thì sẽ đạt được phúc đức to lớn như mười phương hư không, không thể lường hết. Theo một luận giải thì bố là ban bố khắp cả, thí là tung tán. Nếu có thể tung tán hết tất cả vọng niệm tập khí phiền não trong tâm mình thì bốn tướng sẽ tiêu diệt không còn tích chứa trong lòng, đó gọi là chân thật bố thí.

Lại nữa nói bố thí là do không trụ ở cảnh giới sáu trần, cũng không có những phân biệt hữu lậu, chỉ cần quay về thanh tịnh là hiểu được muôn pháp vắng lặng. Nếu không rõ ý nghĩa này thì chỉ tăng thêm các nghiệp. Cho nên trong thì phải trừ tham ái, ngoài phải hành bố thí. Trong ngoài ứng hợp nhau sẽ

được phúc đức vô lượng. Thấy người làm ác mà không thấy lỗi người, tự tính không sinh phân biệt, gọi là lìa tướng. Y theo giáo pháp tu hành, tâm không năng sở chủ khách, đó là thiện pháp.

Tu hành mà tâm còn năng sở, chẳng gọi là thiện pháp.

Chưa dứt trừ tâm phân biệt năng sở, chưa được giải thoát.

Niệm niệm thường thực hành trí Bát-nhã, phúc đức ấy vô lượng vô biên. Y theo đây tu hành sẽ cảm được tất cả, trời người cúng dường cung kính. Đó là phúc đức.

Nếu thường thực hành bố thí không trụ tướng, tôn trọng tất cả chúng sinh, công đức ấy vô biên không thể kể hết.

“Tu-bồ-đề ! Ý ông nghĩ sao ? Hư không ở phương Đông có thể lường được chăng ?

–Không, thưa Thế Tôn !”

Do bổ thí không trụ tướng, công đức đạt được nhiều không thể lường. Phật dùng hư không của phương Đông làm thí dụ, nên hỏi Tu-bồ-đề hư không phương Đông có thể lường được chăng. Tu-bồ-đề đáp : Không, thưa Thế Tôn, hư không phương Đông không thể lường được.

“Tu-bồ-đề ! Hư không ở phương Tây, Nam, Bắc, bốn phương trên dưới có thể lường được chăng ?

–Không, thưa Thế Tôn.

Tu-bồ-đề ! Bồ-tát bổ thí không trụ tướng, phúc đức cũng nhiều như vậy, không thể lường được.”

Phật bảo hư không không có giới hạn, không thể đo lường. Bồ-tát bổ thí không trụ tướng, được công đức cũng như hư không, không thể đo lường, không có giới hạn. Trong thế giới, không cái gì lớn hơn hư không. Trong tất cả tính, không tính nào hơn

Phật tính. Vì sao vậy ? Vì tất cả những gì có hình tướng đều không được gọi là lớn. Hư không không có hình tướng nên gọi là lớn. Tất cả các tính đều có hạn lượng nên không gọi là lớn, Phật tính không hạn lượng nên gọi là lớn. Trong hư không vốn không có Đông Tây Nam Bắc, nếu thấy có Đông Tây Nam Bắc đó là trụ tướng, không được giải thoát. Phật tính vốn không có ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, nếu thấy có bốn tướng này tức là chúng sinh, không phải Phật tính. Cũng giống như bồ thí mà trụ tướng vậy.

Tuy với vọng tâm nói có Đông Tây Nam Bắc, nhưng trong chân lý thì nào có phương hướng ? Gọi Đông Tây là không đúng, Nam Bắc nào có gì khác. Tự tính xưa nay vắng lặng, dung hòa không phân biệt. Vì vậy Như Lai rất ca ngợi pháp không sinh phân biệt.

“Tu-bồ-đề ! Bồ-tát chỉ nên trụ nơi điều ta dạy.”

Nên như điều Phật dạy trên đây, đó là trụ
nơi vô tướng bổ thí. Như thế là BỒ-tát.

5- Thật thấy như lý

*“Tu-bồ-đề ! Ý ông nghĩ sao ? Có thể thấy
Như Lai bằng thân tướng chăng ?*

*–Không, thưa Thế Tôn ! Không thể thấy
Như Lai bằng thân tướng.”*

Sắc thân có tướng mạo, Pháp thân không
có tướng mạo. Sắc thân do bốn đại hòa hợp,
do cha mẹ sinh, mắt trần có thể trông thấy.
Còn Pháp thân thì không hình dáng, không
xanh vàng đỏ trắng, không có tất cả tướng
mạo, mắt trần không thể nhìn thấy, chỉ mắt
tuệ mới thấy được.

Phàm phu chỉ thấy sắc thân Như Lai
không thấy Pháp thân Như Lai. Pháp thân
đồng như hư không. Vì vậy Phật hỏi Tu-bồ-
đề : Có thể thấy Như Lai bằng thân tướng
chăng ? Tu-bồ-đề biết phàm phu chỉ thấy sắc

thân Như Lai nhưng không thấy được Pháp thân chân thật của Như Lai nên trả lời : Không, thưa Thế Tôn. Không thể thấy Như Lai bằng thân tướng.

“Bởi vì sao? Vì Như Lai nói thân tướng, tức chẳng phải thân tướng.”

Sắc thân là tướng, Pháp thân là tính. Tất cả thiện ác đều do Pháp thân, chẳng do sắc thân. Pháp thân nếu làm ác, sắc thân chẳng sinh xứ lành. Pháp thân làm lành, sắc thân chẳng đọa nẻo ác. Phạm phu chỉ thấy sắc thân không thấy Pháp thân, chẳng thể thực hành bố thí không trụ tướng, chẳng thể thực hành hạnh bình đẳng cùng khắp, chẳng thể tôn trọng tất cả chúng sinh khắp mọi nơi.

Thấy Pháp thân tức có thể thực hành bố thí không trụ tướng, có thể tôn trọng tất cả chúng sinh khắp mọi nơi, có thể tu hạnh Bát-nhã Ba-la-mật, và mới tin rằng tất cả chúng

sinh đồng một chân tính, xưa nay không
nhiễm ô, đầy đủ vô lượng diệu dụng.

*“Phật bảo Tu-bồ-đề : Tất cả những gì có
tướng đều giả dối. Nếu thấy các tướng là
không phải tướng, tức thấy Như Lai.”*

Như Lai muốn chỉ bày Pháp thân, nên nói
tất cả các tướng đều hư dối. Nếu thấy tất cả
các tướng là hư dối không thật, tức thấy lý
Như Lai vô tướng.

6- Hiếm có lòng tin chân thật

*“Tu-bồ-đề bạch Phật : –Bạch Thế Tôn !
Liệu có những chúng sinh nghe pháp này mà
phát sinh lòng tin chân thật chăng ?”*

Tu-bồ-đề hỏi Phật rằng pháp này rất sâu
khó tin khó hiểu. Đời mạt pháp phàm phu trí
tuệ yếu kém làm sao tin được ? Phật đáp như
sau.

“Phật bảo Tu-bồ-đề : Chớ nói vậy ! Sau khi Như Lai diệt độ, năm trăm năm sau có người giữ giới, làm phúc tu tuệ thì với pháp này có thể sinh tín tâm cho đây là chân thật. Ông nên biết rằng những người như vậy không phải chỉ gieo trồng căn lành nơi một đức Phật, hai đức Phật, ba bốn năm đức Phật mà chính là đã gieo trồng căn lành nơi vô số ngàn vạn đức Phật. Những người như vậy khi nghe được pháp này, chỉ một niệm cũng đã phát sinh lòng tin thanh tịnh.”

Năm trăm năm sau khi Phật nhập diệt, nếu có người có khả năng tu trì giới vô tướng Đại thừa, chẳng vọng chấp các tướng, chẳng tạo nghiệp sinh tử, trong mọi lúc tâm thường vắng lặng, chẳng bị các tướng trói buộc, tức là tâm không trụ trước. Đối với pháp sâu xa nhiệm mầu của Như Lai người ấy có thể tin là chân thật.

Bởi vì sao, vì người này không phải trong một kiếp, hai kiếp, ba kiếp, bốn năm kiếp gieo trồng căn lành, mà đã trồng căn lành từ vô lượng ngàn vạn ức kiếp. Vì vậy Như Lai nói sau khi Như Lai Niết-bàn, năm trăm năm sau có người có thể tu hạnh lìa tướng. Ông nên biết, người ấy không phải đã gieo trồng căn lành chỉ ở nơi một hai ba bốn năm đức Phật.

Thế nào là gieo trồng các căn lành ? Lược nói như dưới đây. Đó là đối với chư Phật , một lòng cúng dường, tùy thuận giáo pháp. Đối với các Bồ-tát, thiện tri thức, chư tăng, cha mẹ, các bậc tôn trưởng cao niên, thường cung kính cúng dường, thuận theo sự dạy dỗ chẳng dám trái nghịch. Đó là trồng các căn lành.

Đối với tất cả chúng sinh nghèo khổ thì khởi từ tâm, không sinh lòng khinh chê chán ghét, tùy sức bố thí, có cầu xin điều gì thì tùy khả năng làm cho thỏa mãn. Đó là trồng các căn lành.

Đối với các người hung ác thì nên nhu hòa nhẫn nhục, vui vẻ tiếp đón, không nghịch ý, làm sao cho sinh tâm hoan hỷ từ bỏ hung ác. Đó là trồng các căn lành.

Đối với chúng sinh trong sáu đường, không gây giết hại, không khinh khi lừa dối, không mắng nhiếc nhục mạ, không cỡi, không đánh roi, không giết thịt, thường làm việc lợi ích. Đó là trồng các căn lành.

Tín tâm là tin rằng trí tuệ Bát-nhã có khả năng thành tựu tất cả công đức, tin Bát-nhã Ba-la-mật có thể xuất sinh chư Phật, tin trong người mình có Phật tính, xưa nay thanh tịnh, không nhiễm ô, cùng Phật tính của chư Phật là bình đẳng không hai.

Tin chúng sinh trong sáu đường, từ xưa nay là vô tướng, tin tất cả chúng sinh đều có thể thành Phật. Đó gọi là tín tâm thanh tịnh.

“Tu-bồ-đề ! Như Lai biết hết, thấy hết, các chúng sinh ấy được vô lượng phúc đức.

Bởi vì sao ? Vì các chúng sinh ấy không còn tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, không pháp tướng cũng không phi pháp tướng.”

Nếu có người sau khi Như Lai nhập diệt, phát tâm Bát-nhã Ba-la-mật, tu hạnh Bát-nhã ba-la-mật, tu tập hiểu ngộ được thâm ý của Phật, chư Phật đều biết hết.

Nếu có người nghe pháp môn thượng thừa, nhất tâm thụ trì, tức có thể thực hành hạnh Bát-nhã Ba-la-mật vô tướng, không chấp trước, hiểu rõ không có bốn tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Không có ngã là không có sắc thụ tướng hành thức. Không có nhân là hiểu rõ bốn đại không thật, chung quy trở về với đất, nước, lửa, gió. Không chúng sinh nghĩa là không có tâm sinh diệt. Không thọ giả là bản thân ta vốn không thì đâu có ai thọ ?

Một khi bốn tướng diệt rồi thì pháp nhãn sáng suốt, chẳng chấp có không, xa lìa hai

thái cực, tự tâm là Như Lai, tự ngộ tự giác, hăng xa lìa trần lao vọng niệm, tự nhiên được phúc vô biên.

Không pháp tướng là không còn tướng về pháp, lìa tên gọi, tuyệt chẳng có hình tướng, không cố chấp văn tự.

Còn không phi pháp tướng là không thể nói không có pháp Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu nói không có Bát-nhã Ba-la-mật là phỉ báng Phật pháp.

“Bởi vì sao ? Vì các chúng sinh này nếu giữ lấy tướng tức chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, nếu giữ lấy pháp tướng tức chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Bởi vì sao ? Vì nếu giữ lấy phi pháp tướng tức chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả.”

Giữ lấy ba tướng này và chấp trước tà kiến đều là người mê, không hiểu ý kinh. Cho nên người tu hành không được yêu thích đắm đuối ba mươi hai tướng của Như Lai, không

được nói ta hiểu pháp Bát-nhã Ba-la-mật, cũng không được nói là không thực hành pháp Bát-nhã Ba-la-mật mà có thể thành Phật.

“Vì vậy không nên giữ lấy pháp, không nên giữ lấy phi pháp.

Do ý nghĩa này Như Lai thường nói : Các Tỳ-kheo phải biết giáo pháp ta nói ví như chiếc bè. Pháp còn phải bỏ huống chi phi pháp.”

Pháp là giáo pháp Bát-nhã Ba-la-mật.

Phi pháp là các giáo pháp thực hành để cầu sinh về cõi trời.

Giáo pháp Bát-nhã Ba-la-mật có khả năng khiến tất cả chúng sinh vượt biển lớn sinh tử. Một khi đã vượt thoát rồi còn không nên an trụ ở đó huống chi là vui thích pháp sinh về các cõi trời.

7-Không chứng đắc, không thuyết pháp

“Tu-bồ-đề ! Ý ông nghĩ sao ? Như Lai có chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề chăng ? Như Lai có thuyết pháp chăng ?

Tu-bồ-đề thưa : –Theo chỗ con hiểu ý Phật dạy, không có một pháp nhất định nào được gọi là A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, cũng không có một pháp nhất định nào để Như Lai thuyết pháp.”

A-nậu-đa-la không phải được từ bên ngoài, chỉ cần tâm không có ngã sở, tùy bệnh cho thuốc, tùy nghi thuyết pháp, nào có pháp gì là cố định ?

Như Lai nói vô lượng chính pháp, tâm vốn không có gì chứng đắc nhưng cũng không nói là không chứng đắc. Chỉ vì chúng sinh chỗ thấy biết không đồng nhau, nên Như Lai tùy theo căn tính mà khai mở chỉ bày các phương tiện khiến xa lìa chấp trước, chỉ cho chúng sinh thấy vọng tâm sinh diệt không dừng, loạn động theo cảnh. Niệm trước vừa

khởi niệm sau đã biết. Mà cái biết không
dừng lại thì cái thấy cũng không tồn tại. Vậy
lẽ nào có pháp cố định để Như Lai có thể
thuyết giáo ?

A là tâm không vọng niệm.

Nậu-đa-la (Nuttara) là tâm không kiêu
mạn.

Tam (Sam) là tâm thường tại chính định.

Miêu (Yak) là tâm thường tại chính tuệ.

Tam-bồ-đề (Sambodhi) là tâm thường
không tịch.

Một niệm tâm phạm dứt là thấy Phật tính.

*“Bởi vì sao ? Vì pháp Như Lai nói đều
không thể chấp giữ, không thể nói là phi
pháp mà cũng chẳng phải phi pháp.”*

Sợ người chấp trước các thuyết giảng,
như văn tự chương cú của Như Lai, không rõ
lý vô tướng, vọng sinh kiến giải nên nói là
không thể chấp giữ. Như Lai vì hóa độ các

loại chúng sinh, ứng cơ duyên, tùy trường hợp, đâu có pháp nào là cố định.

Người học không rõ thâm ý của Như Lai, chỉ đọc tụng lời của Như Lai mà không rõ bản tâm.

Không rõ bản tâm, chẳng bao giờ thành Phật. Cho nên nói là không thể nói. Miệng tụng, tâm chẳng thực hành, tức là phi pháp. Miệng tụng tâm thực hành, hiểu rõ ý nghĩa của cái gọi là không có chỗ chứng đắc tức chẳng phải phi pháp.

“Bởi vì sao ? Vì tất cả hiền thánh đều do pháp vô vi mà có những khác biệt.”

Kiến giải của căn tính ba thừa không đồng nhau, có sâu có cạn nên nói có khác biệt.

Phật nói pháp vô vi tức là vô trụ. Vô trụ là vô tướng. Vô tướng thì không khởi. Không khởi thì không diệt, rỗng rang vắng lặng, soi chiếu ứng dụng đều như nhau, quán sát hiểu

biết vô ngại. Đó mới là Phật tính chân thật giải thoát.

Phật là giác, giác là quán chiếu, quán chiếu là trí tuệ, trí tuệ là Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Lại nữa hiền thánh thuyết pháp, đầy đủ Nhất thiết trí. Vạn pháp đều ở nơi tính, tùy câu hỏi khác nhau mà làm cho nhân tâm khai ngộ để mỗi người tự thấy tính của mình.

8- Y pháp xuất sinh

“Tu-bồ-đề ! Ý ông nghĩ sao ? Nếu có người đem bảy báu đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới ra bố thí, phúc đức người ấy có nhiều không ? Tu-bồ-đề nói : -Rất nhiều, thưa Thế Tôn ! Phúc đức ấy là tính phi phúc đức. Vì vậy Như Lai nói phúc đức nhiều.”

Đem bảy báu đầy trong ba ngàn đại thiên thế giới ra bố thí, tuy được nhiều phúc đức, nhưng trên bản tính thì chẳng có một lợi ích

nào. Y theo Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa tu hành khiến tự tính không đọa vào các nẻo sinh tử, đó là tính của phúc đức.

Tâm có năng sở tức chẳng phải tính của phúc đức. Năng sở trong tâm diệt, là tính của phúc đức.

Tâm y theo lời Phật dạy, tu hành như hạnh Phật, là tính của phúc đức. Không y theo lời Phật dạy, không làm theo hạnh Phật, là chẳng phải tính của phúc đức.

“Nếu lại có người thụ trì chỉ bốn câu kệ trong kinh này và giảng nói cho người khác, phúc của người này hơn cả người kia.”

Đại ý toàn bộ giáo pháp trong mười hai bộ kinh đều ở trong bốn câu. Làm sao biết? Vì trong các kinh đều ca ngợi bốn câu kệ là Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa, tức đại trí tuệ đến bờ kia. Vì đại trí tuệ là mẹ của chư Phật. Chư Phật ba đời đều y kinh này tu hành mới được thành Phật.

Bát-nhã Tâm Kinh nói : Ba đời chư Phật y Bát-nhã Ba-la-mật-đa nên được vô thượng chính đẳng chính giác.

Theo thầy học đạo là thụ, hiểu nghĩa tu hành là trì. Tự mình hiểu, tự mình tu hành là tự lợi. Vì người khác diễn nói là lợi tha. Công đức này rộng lớn vô biên.

“Vì sao vậy Tu-bồ-đề ? Vì chư Phật và pháp A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề của chư Phật đều từ kinh này sinh ra.”

Hai chữ kinh này là ý nói không phải chỉ có một quyển kinh này, mà điều quan trọng là chỉ rõ Phật tính, đề từ thể tính khởi diệu dụng, làm lợi ích rộng lớn.

Bát-nhã tức trí tuệ. Trí là biết dùng phương tiện để tác nghiệp, tuệ là lấy quyết đoán để ứng dụng. Tức cái tâm giác chiếu, luôn luôn soi sáng trong tất cả mọi thời gian. Đó là tất cả chư Phật và pháp A-nậu-đa-la

Tam-miêu Tam-bồ-đề đều phát sinh từ giác chiếu, nên nói là từ kinh này sinh ra.

“Tu-bồ-đề ! Nói Phật pháp tức chẳng phải Phật pháp.”

Tất cả văn tự chương cú đều như bảng dấu hiệu, như ngón tay. Dựa vào bảng dấu hiệu mà lấy được vật, từ ngón tay chỉ mà thấy mặt trăng. Mặt trăng không phải ngón tay, bảng dấu hiệu không phải đồ vật.

Chỉ nhờ kinh mà lĩnh thụ được pháp, kinh không phải là pháp. Văn kinh mắt thường có thể đọc, còn pháp nghĩa thì mắt tuệ mới thấy được. Nếu không có mắt tuệ chỉ thấy văn kinh không thấy pháp nghĩa. Không thấy pháp nghĩa thì không hiểu ý Phật. Không hiểu ý Phật thì tụng kinh cũng chẳng thành tựu Phật đạo.

9- Một tướng vô tướng

“Tu-bồ-đề ! Ý ông nghĩ sao ? Tu-đà-hoàn có thể nghĩ rằng mình đắc quả Tu-đà-hoàn chăng ?

Tu-bồ-đề nói : –Không, thưa Thế Tôn !”

Tu-đà-hoàn (Srota-āpanna) tiếng Trung Hoa dịch là Nghịch lưu, nghĩa là ngược dòng, ngược dòng sinh tử, không nhiễm sáu trần, một hướng chuyên tu vô lậu nghiệp, các phiền não thô nặng không còn sinh khởi, quyết định không thụ thân các loài địa ngục, súc sinh, A-tu-la nên gọi là quả Tu-đà-hoàn.

Nếu rõ pháp vô tướng thì tâm không thấy có gì gọi là đắc quả. Còn một chút tâm niệm cho là đắc quả tức chẳng phải Tu-đà-hoàn. Cho nên Tu-bồ-đề đáp : Không.

“Bởi vì sao ? Vì Tu-đà-hoàn nghĩa là nhập vào dòng, nhưng chẳng có chỗ nào nhập vào. Chẳng nhập vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, là Tu-đà-hoàn.”

Chữ dòng đây là chỉ dòng thánh. Tu-đà-hoàn đã lìa các phiền não thô nặng nên được nhập vào dòng thánh. Nhưng chẳng có chỗ nhập vào, nghĩa là không có tâm niệm nghĩ rằng có đặc quả. Tu-đà-hoàn là quả vị đầu tiên của người tu hành.

“Tu-bồ-đề ! Ý ông nghĩ sao ? Tư-đà-hàm có thể nghĩ rằng mình đặc quả Tư-đà-hàm chăng ?

Tu-bồ-đề nói : –Không, thưa Thế Tôn ! Bởi vì sao, vì Tư-đà-hàm nghĩa là một lần qua lại, nhưng chẳng qua lại đâu cả, đó là Tư-đà-hàm.”

Tư-đà-hàm (Sakṛd-āgāmin) tiếng Trung Hoa dịch là Nhất vãng lai, xả bỏ sự ràng buộc trong ba cõi, phiền não trời buộc trong ba cõi đã hết, nên gọi là Tư-đà-hàm. Tư-đà-hàm là Nhất vãng lai, tức một lần qua lại từ cõi trời sinh về nhân gian, rồi từ nhân gian sinh lên cõi trời, cuối cùng ra khỏi sinh tử. Hết nghiệp

trong ba cõi gọi là Tu-đà-hàm. Tu-đà-hàm theo quan điểm Đại thừa là mắt thấy các cảnh, tâm có một sinh một diệt, không có sinh diệt lần thứ hai, nên gọi là một lần qua lại. Niệm trước khởi vọng, niệm sau liền dứt, niệm trước có chấp, niệm sau liền lìa bỏ, nên thật sự không có qua lại.

“Tu-bồ-đề ! Ý ông nghĩ sao ? A-na-hàm có thể nghĩ rằng mình đắc quả A-na-hàm chăng ?

Tu-bồ-đề nói : –Không, thưa Thế Tôn ! Bởi vì sao ? Vì A-na-hàm nghĩa là không trở lại, nhưng thật chẳng có gì gọi là không trở lại, đó gọi là A-na-hàm.”

A-na-hàm (Anāgāmin) tiếng Trung Hoa dịch là Bất hoàn, cũng gọi Xuất dục. Xuất dục nghĩa là ra khỏi sự ham muốn, ngoài không thấy có cảnh đáng ham muốn, trong không có tâm ham muốn. Nhất định không đến Dục giới thụ sinh, nên gọi là không trở

lại, và thật sự không có trở lại, cũng không trở về. Vì vĩnh viễn đã hết tham dục tập khí, quyết định không trở lại thụ sinh, nên gọi là A-na-hàm.

“Tu-bồ-đề ! Ý ông nghĩ sao ? A-la-hán có thể nghĩ rằng mình được đạo quả A-la-hán chăng ?

Tu-bồ-đề nói : –Không, thưa Thế Tôn ! “

Các lậu đã hết không còn phiền não gọi là A-la-hán. A-la-hán vĩnh viễn hết phiền não. Đối với vật gì cũng không tranh chấp. Nếu có ý nghĩ đắc quả tức còn tâm tranh chấp.

“Bởi vì sao ? Vì thật ra không có một pháp nào được gọi là A-la-hán. Thưa Thế Tôn ! Nếu A-la-hán có ý nghĩ rằng mình được đạo quả A-la-hán, tức là chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả.”

A-la-hán (Arhat) tiếng Trung Hoa dịch là Vô tranh, nghĩa là không tranh, không còn phiền não để dứt trừ, không còn tham sân để lìa bỏ, tính không nghịch thuận, tâm cảnh đều không, trong ngoài thường vắng lặng. Nếu còn có tâm niệm đặc quả, tức đồng với phạm phu, cho nên nói : Không.

“–Thưa Thế Tôn ! Phật nói con được Vô tranh Tam-muội, đứng đầu trong các người, là A-la-hán lìa dục bậc nhất. Nhưng thưa Thế Tôn ! Con không có ý nghĩ như vậy, con không cho rằng mình là A-la-hán lìa dục.”

Thế nào là Vô tranh Tam-muội ? Nghĩa là A-la-hán thì tâm không sinh diệt đến hay đi, chỉ có bản giác thường chiếu nên gọi Vô tranh Tam-muội.

Tam-muội (Samādhī) đây gọi là chính thụ, cũng gọi chính kiến. Xa lìa 95 thứ tà kiến là chính kiến. Nhưng trong không trung, cũng có tranh tối tranh sáng, trong tính cũng có

tranh nhau chính tà. Mỗi niệm mỗi niệm thường chính, không một niệm có tâm tà, tức là Vô tránh Tam-muội. Tu Tam-muội này là đứng nhất trong các người. Nếu có một tâm niệm đặc quả, tức không phải Vô tránh Tam-muội.

“Thưa Thế Tôn ! Nếu con nghĩ rằng mình được đạo quả A-la-hán thì Thế Tôn đã không bảo rằng Tu-bồ-đề là người thích hạnh A-lan-nhã. Bởi Tu-bồ-đề thật chẳng có gì là sở hành cả, vì vậy mà Tu-bồ-đề được gọi là thích hạnh A-lan-nhã.”

Tiếng Phạn A-lan-nhã (Aranya) tiếng Trung Hoa là Vô tránh hạnh, hạnh không tranh là hạnh thanh tịnh. Hạnh thanh tịnh là trừ bỏ cái tâm cho rằng có chứng đắc. Nếu còn tâm chứng đắc, tức còn tranh chấp. Có tranh chấp là không phải đạo thanh tịnh. Thường được cái tâm không sở đắc, thì đó là hạnh không tranh chấp.

10- Trang nghiêm Tịnh độ

“Phật bảo Tu-bồ-đề : Ý ông nghĩ sao ? Xưa Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng có được pháp gì chăng ?

–Không, thưa Thế Tôn ! Xưa Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng thật không được pháp gì cả.”

Phật sợ Tu-bồ-đề có tâm niệm đặc pháp, nên Phật trừ nghi bằng câu hỏi như vậy. Tu-bồ-đề biết pháp là vô sở đắc nên bạch Phật : Không. Phật Nhiên Đăng là vị thầy thụ ký cho Phật Thích-ca, nên đức Thế Tôn hỏi Tu-bồ-đề : Ta có đặc pháp gì nơi thầy ta không ? Tu-bồ-đề liền thưa rằng nhờ thầy khai thị nhưng kỳ thật không có gì là sở đắc. Chỉ có tỏ ngộ tự tính vốn thanh tịnh, vốn không trần lao, tịch nhiên thường chiếu, là tự thành Phật. Nên biết rằng Thế Tôn khi ở nơi Phật Nhiên Đăng, thật sự không có gì là sở đắc. Giáo

pháp của Như Lai như ánh sáng mặt trời thường chiếu soi, không có giới hạn nhưng không thể bắt lấy.

“Tu-bồ-đề ! Ý ông nghĩ sao ? Bồ-tát có làm cho cõi Phật trang nghiêm không ?

–Không, thưa Thế Tôn ! Bởi vì sao ? Vì nói trang nghiêm cõi Phật tức chẳng phải trang nghiêm, thế mới là trang nghiêm.”

Cõi Phật là thanh tịnh, không hình không tướng, có cái gì có thể làm cho trang nghiêm ? Chỉ dùng vật báu tạm gọi là trang nghiêm. Nói về sự lý, có ba điều trang nghiêm : Thứ nhất trang nghiêm cõi Phật ở thế gian là cất chùa, chép kinh, bố thí cúng dường. Thứ hai trang nghiêm thân Phật là thấy tất cả mọi người đều tôn trọng cung kính. Thứ ba trang nghiêm tâm Phật là tâm thanh tịnh tức cõi Phật thanh tịnh, mỗi niệm mỗi niệm thường thực hành tâm Phật.

“Bởi vậy, Tu-bồ-đề ! Chư Bồ-tát Ma-ha-tát nên sinh tâm thanh tịnh như vậy. Không nên sinh tâm ở sắc , không nên sinh tâm ở thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nên sinh tâm ở nơi không trụ một chỗ nào.”

Người tu hành không nên bàn chuyện thị phi của người khác. Tự nói ta có khả năng, ta hiểu rõ, đem tâm khinh chê người chưa học, đó không phải tâm thanh tịnh. Tự tính thường sinh trí tuệ, tâm từ bi bình đẳng, tôn trọng tất cả chúng sinh, đó là tâm thanh tịnh của người tu hành.

Nếu không thanh tịnh tâm mình mà yêu đắm nơi thanh tịnh, tức là tâm có chỗ dừng lại. Như vậy là chấp trước pháp tướng. Thấy sắc chấp trước sắc, sinh tâm nơi sắc là người mê. Thấy sắc lìa sắc, không sinh tâm nơi sắc là người ngộ. Trụ ở sắc mà sinh tâm như mây che trời, không trụ sắc sinh tâm như trời quang mây tạnh, mặt trời mặt trăng thường chiếu sáng. Trụ sắc sinh tâm là vọng niệm,

không trụ sắc sinh tâm là chân trí. Vọng niệm sinh thì tối, chân trí chiếu thì sáng. Sáng suốt thì phiền não không sinh, mê mờ thì sáu trần đua nhau nổi dậy.

“Tu-bồ-đề ! Ví như có người thân hình như núi chúa Tu-di, ý ông nghĩ sao, thân ấy lớn không ?

Tu-bồ-đề nói : –Rất lớn, thưa Thế Tôn. Bởi vì sao ? Vì Phật nói chẳng phải thân mới là thân to lớn.”

Sắc thân dầu lớn mà tâm lượng bên trong nhỏ hẹp, không gọi là thân lớn. Tâm lượng to rộng như hư không mới gọi là thân lớn. Sắc thân cao to như núi Tu-di cũng chẳng cho là to lớn.

11- Phúc vô vi vượt trội

“Tu-bồ-đề ! Giả sử có số sông Hằng nhiều như cát của sông Hằng, ý ông nghĩ

sao, cát của những sông Hằng ấy nhiều không ?

Tu-bồ-đề nói : –Rất nhiều, thưa Thế Tôn ! Chỉ mỗi số lượng sông Hằng đã là vô số, huống chi số cát của những sông Hằng ấy.

Tu-bồ-đề ! Hôm nay ta bảo cho ông một sự thật : Nếu có thiện nam thiện nữ đem bảy báu đầy cả số ba ngàn đại thiên thế giới nhiều như số cát những sông Hằng kia, dùng để bố thí, sẽ được phúc nhiều chăng ?

Tu-bồ-đề nói : -Rất nhiều, thưa Thế Tôn !

Phật bảo Tu-bồ-đề : Nếu có thiện nam thiện nữ thụ trì cho dầu bốn câu kệ trong kinh này và giảng nói cho người khác, phúc đức này hơn cả phúc đức trước.”

Bồ thí bảy báu được phúc báo giàu sang trong ba cõi. Giảng thuyết kinh điển Đại thừa khiến người nghe phát sinh trí tuệ lớn, thành

tự đạo vô thượng. Phải biết phúc đức của sự
thụ trì hơn phúc đức bố thí bảy báu .

12- Tôn trọng chính giáo

*“Lại nữa, Tu-bồ-đề ! Nơi nào giảng
thuyết kinh này, cho dầu chỉ bốn câu kệ, phải
biết đây là nơi tất cả người, trời, A-tu-la
trong thế gian đều phải cúng dường như
cúng dường tháp Phật, ”*

Nơi nào có người giảng thuyết kinh này,
người ấy trong mỗi niệm phải thường hành
vô niệm, tâm là tâm vô sở đắc, không đem
tâm phân biệt năng sở mà giảng nói. Nếu có
thể xa lìa các tâm chấp trước, thường căn cứ
vào tâm vô sở đắc thì ngay trong thân này có
kim thân xá-lợi của Như Lai, cho nên nói là
như tháp Phật vậy. Người dùng tâm vô sở đắc
giảng nói kinh này sẽ cảm được Thiên long
bát bộ đều đến nghe thuyết giảng. Nếu người
tâm không thanh tịnh, giảng nói kinh này chỉ

vì danh lợi, chết sẽ đọa vào ba đường ác, nào được ích lợi chi. Nếu tâm thanh tịnh thuyết giảng kinh này, khiến người nghe trừ tâm mê vọng, ngộ được bản lai Phật tính, thường thực hành chân thật sẽ cảm được người, trời, A-tu-la đều đến cúng dường người hành trì kinh này.

“huống chi là người hoàn toàn có thể thụ trì đọc tụng.

Tu-bồ-đề ! Phải biết người này thành tựu pháp cao tột hiếm có bậc nhất. Nơi nào có kinh này là nơi đó có Phật, có các đệ tử cao trọng của Phật.”

Tự tâm tụng được kinh này, tự tâm hiểu được nghĩa kinh, tự tâm thể nhập được lý vô tướng, ở đâu cũng tu theo hạnh Phật, niệm niệm không gián đoạn thì tự tâm là Phật. Cho nên nói ở đâu là ở đó có Phật.

13- Thụ trì đúng như pháp

“Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật : –Thưa Thế Tôn, kinh này tên gì, chúng con phụng hành như thế nào ?

Phật bảo Tu-bồ-đề : Kinh này tên là Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật. các ông phải phụng trì danh hiệu ấy.

Bởi vì sao ? Nay Tu-bồ-đề ! Bát-nhã Ba-la-mật Phật nói, tức chẳng phải Bát-nhã Ba-la-mật, đó mới là Bát-nhã Ba-la-mật.”

Phật nói Bát-nhã Ba-la-mật khiến người học dùng trí tuệ trừ bỏ tâm sinh diệt ngu si. Trừ hết sinh diệt là đến bờ kia. Nếu tâm còn có chỗ sở đắc tức không đến được bờ kia. Tâm không một pháp nào sở đắc là đến bờ kia. Miệng nói tâm thực hành là đến bờ kia.

“Tu-bồ-đề ! Ý ông nghĩ sao ? Như Lai có gì thuyết pháp không ?

Tu-bồ-đề nói :–Thưa Thế Tôn ! Như Lai không có gì thuyết pháp.”

Phật hỏi Tu-bồ-đề rằng Như Lai thuyết pháp, tâm có sở đắc không. Tu-bồ-đề biết Như Lai thuyết pháp là tâm không sở đắc, cho nên nói không có gì thuyết pháp cả. Ý Như Lai muốn người đời bỏ tâm niệm cho rằng có chỗ sở đắc, có cái mình đạt được, nên nói pháp Bát-nhã Ba-la-mật, để tất cả người nghe pháp này đều phát tâm Bồ-đề, ngộ lý vô sinh, thành tựu đạo vô thượng.

“Tu-bồ-đề ! Ý ông nghĩ sao ? Tất cả bụi nhỏ trong ba ngàn đại thiên thế giới là nhiều không ?

Tu-bồ-đề nói : –Rất nhiều, thưa Thế Tôn.

Tu-bồ-đề ! Những bụi nhỏ Như Lai nói chẳng phải bụi nhỏ, đó gọi là bụi nhỏ. Thế giới Như Lai nói chẳng phải thế giới, đó gọi là thế giới.”

Như Lai nói vọng niệm trong tâm chúng sinh như bụi bặm trong ba ngàn đại thiên thế

giới. Tất cả chúng sinh bị bụi bặm vọng niệm khởi diệt mãi không ngừng, che lấp Phật tính, không được giải thoát. Nếu niệm niệm chân chính tu hạnh vô trước vô tướng Bát-nhã Ba-la-mật, thì hiểu rõ bụi bặm vọng niệm tức pháp tính thanh tịnh. Vọng niệm đã không còn thì cái chẳng phải bụi bặm đó là bụi bặm. Hiểu rõ chân là vọng, vọng là chân thì chân vọng đều mất, không còn một pháp nào khác, nên gọi là bụi bặm. Trong tâm không bụi bặm là thế giới của Phật. Trong tâm bụi bặm là thế giới chúng sinh. Rõ các vọng niệm là không tịch nên nói chẳng phải thế giới. Chúng được pháp thân Như Lai, hiện khắp các cõi, không phương nào không có diệu dụng, đó là thế giới.

“Tu-bồ-đề ! Ý ông nghĩ sao ? Có thể lấy ba mươi hai tướng mà gọi là thấy Như Lai chăng ?

–Không, thưa Thế Tôn ! Không thể lấy ba mươi hai tướng mà gọi là thấy được Như Lai.

Bởi vì sao, vì Như Lai nói ba mươi hai tướng tức chẳng phải tướng, đó là ba mươi hai tướng.”

Ba mươi hai tướng là ba mươi hai hạnh thanh tịnh. Ba mươi hai hạnh thanh tịnh là trong năm căn tu sáu Ba-la-mật, trong ý căn tu vô tướng vô vi, thì gọi là ba mươi hai hạnh thanh tịnh. Thường tu ba mươi hai hạnh thanh tịnh này tức được thành Phật. Nếu không tu ba mươi hai tướng hạnh thanh tịnh thì không bao giờ thành Phật. Chỉ yêu thích chấp đắm ba mươi hai tướng của Như Lai mà tự mình không tu ba mươi hai hạnh, sẽ không bao giờ thấy được Như Lai.

“Tu-bồ-đề ! Nếu có thiện nam thiện nữ đem thân mạng như cát sông Hằng mà bố thí và lại có người thụ trì kinh này cho dầu chỉ

bốn câu kệ và giảng nói cho người khác, phúc người này rất nhiều.”

Người đời quý trọng nhất không gì hơn thân mạng. Bồ-tát vì pháp, trong vô lượng kiếp xả thí thân mạng cho tất cả chúng sinh. Phúc ấy tuy nhiều cũng không bằng phúc thụ trì bốn câu kinh này. Nhiều kiếp xả bỏ thân mạng mà không rõ nghĩa không, không trừ vọng tâm thì vẫn y nguyên là chúng sinh. Còn như một niệm trì kinh, ngã nhân đều hết, vọng tưởng đã trừ, thì chỉ dưới một câu nói là thành Phật. Cho nên biết rằng nhiều kiếp xả thân, không bằng phúc thụ trì bốn câu kinh.

14- Vắng lặng là bỏ các tướng

“Lúc bấy giờ Tu-bồ-đề nghe Phật nói kinh này, hiểu ý nghĩa sâu xa, buồn tủi, khóc mà bạch Phật rằng : –Hiếm có thay Thế Tôn ! Phật nói kinh điển rất sâu xa như thế

này. Con từ xưa đã được con mắt tuệ nhưng chưa từng nghe kinh như vậy.

Thưa Thế Tôn ! Nếu lại có người nghe được kinh này, tín tâm thanh tịnh liền sinh thật tướng, tức biết người này thành tựu công đức hiếm có bậc nhất.”

Tự tính không si mê là người có con mắt tuệ, nghe pháp tự ngộ là người có con mắt pháp. Tu-bồ-đề là một A-la-hán. Trong 500 đệ tử của Phật, Tu-bồ-đề là người hiểu rõ lý không bậc nhất, là người đã từng phụng thờ nhiều Phật trong quá khứ, lẽ nào chưa được nghe pháp sâu xa như thế này, lẽ nào nói mới nghe nơi Phật Thích-ca Mâu-ni ? Song có thể là Tu-bồ-đề chứng đắc thuở xa xưa là tuệ nhãn của Thanh văn, đến nay mới ngộ Phật ý. Nên mới nghe kinh pháp sâu xa này thì buồn khóc vì xưa kia chưa ngộ. Nghe kinh suy ngẫm chân lý của kinh, đó là thanh tịnh. Từ trong cái thể thanh tịnh phát xuất ra pháp Bát-nhã Ba-la-mật-đa sâu xa. Phải biết rằng như

vậy chắc chắn sẽ thành tựu công đức của chư Phật.

“–Thưa Thế Tôn ! Thật tướng ấy là phi tướng, cho nên Như Lai nói là thật tướng.”

Tuy thực hành hạnh thanh tịnh mà còn thấy có hai tướng cấu uế và thanh tịnh, thì đương nhiên đều là tâm cấu uế, không phải tâm thanh tịnh. Tâm còn có sở đắc tức chẳng phải thật tướng.

“–Thưa Thế Tôn ! Nay con được nghe kinh này, tin hiểu thụ trì, chẳng kể là khó. Nhưng nếu đời sau, năm trăm năm sau, có chúng sinh nào được nghe kinh này mà tin hiểu thụ trì, thì người ấy mới là hiếm có bậc nhất.

Bởi vì sao ? Vì người này không ngã tướng, không nhân tướng, không chúng sinh tướng, không thọ giả tướng. Vì ngã tướng tức

là phi tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng tức là phi tướng.

Bởi vì sao ? Là tất cả các các tướng, tức là chư Phật. ”

Tu-bồ-đề hiểu sâu ý Phật, trừ hết nghiệp cấu uế, tuệ nhãn bừng sáng, thì tin hiểu thụ trì không còn khó khăn. Nhưng khi Thế Tôn tại thế thuyết pháp cũng có vô lượng chúng sinh không thể tin hiểu thụ trì, hà tất phải nói năm trăm năm sau ? Có điều là ngày Phật còn tại thế, tuy có những người căn cơ bậc trung hoặc thấp, người không tin, người hoài nghi, có thể đến hỏi Phật, Phật tùy theo đó giảng nói, không ai không tỏ ngộ. Phật diệt độ năm trăm năm sau, là dần đến thời kỳ mạt pháp, thánh hiền xa vắng, chỉ còn lại kinh giáo, nếu người nghi ngờ không biết làm sao giải quyết.

Người ngu mê ôm lấy chấp trước, , không hiểu lý vô sinh, giống ruồi đuổi theo các tướng, lạc vào các nẻo luân hồi. Trong lúc đó,

nếu được nghe Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa sâu xa, tâm thanh tịnh tin kính, ngộ lý vô sinh thì thật là hiếm có. Cho nên nói hiếm có bậc nhất. Sau khi Như Lai diệt độ, năm trăm năm sau, nếu lại có người đối với kinh điển Bát-nhã Ba-la-mật-đa sâu xa, mà có thể tin hiểu thụ trì, tức biết rằng người này không có tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Không bốn tướng này gọi là thật tướng, tức Phật tâm, cho nên nói là tất cả các tướng tức chư Phật.

“Phật bảo Tu-bồ-đề : Đúng như vậy ! Đúng như vậy !”

Phật ẩn khả chỗ giải thích của Tu-bồ-đề là phù hợp tâm Phật, nên nói lặp lại hai lần : Đúng như vậy, đúng như vậy.

“Nếu lại có người được nghe kinh này mà không kinh ngạc, không sợ hãi, phải biết người như vậy thật hiếm có.”

Các Thanh văn chấp pháp tướng đã lâu, chỉ biết chấp hữu, không hiểu các pháp vốn không, tất cả văn tự đều là giả lập, bỗng nghe kinh sâu xa này nói các tướng không sinh, ngay dưới câu nói tức Phật, vì vậy kinh ngạc sợ hãi. Chỉ các hàng Bồ-tát căn trí cao, nghe được lý này hoan hỷ thụ trì, mà không sợ hãi thoái lui, những hạng người như vậy rất là hiếm có.

“Bởi vì sao ? Tu-bồ-đề ! Như Lai nói đệ nhất Ba-la-mật tức chẳng phải đệ nhất Ba-la-mật, đó mới là đệ nhất Ba-la-mật.”

Miệng nói tâm không làm là phi, tức chẳng phải. Miệng nói tâm thực hành là thị, tức phải, đúng. Tâm có phân biệt năng sở là chẳng phải. Tâm không năng sở là phải.

“Tu-bồ-đề ! Nhân nhục Ba-la-mật, Như Lai nói chẳng phải nhân nhục Ba-la-mật.”

Thấy có cảnh phải nhẫn nhục là chẳng phải. Không thấy có cảnh phải nhẫn nhục là phải. Thấy có thân tướng sẽ bị người hại, là chẳng phải. Không thấy có thân tướng sẽ bị người hại là phải.

“Bởi vì sao ? Tu-bồ-đề ! Như ta xưa bị vua Ca-lợi chặt đứt thân thể. Lúc ấy ta không có ngã tướng, không nhân tướng, không chúng sinh tướng, không thọ giả tướng.

Bởi vì sao ? Lúc xưa khi ta bị chặt đứt từng khúc thân thể, nếu có ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng, thì sẽ sinh giận dữ oán hận.”

Như Lai trong lúc tu nhân ở bậc sơ địa là vị tiên nhẫn nhục, bị vua Ca-lợi chặt đứt thân thể, mà không có một niệm đau buồn phiền não, vì nếu đau buồn phiền não sẽ sinh giận dữ oán hận. Vua Ca-lợi (Kali) là tên tiếng Phạn, đây gọi là vua vô đạo cực ác. Có một

thuyết nói Như Lai trong lúc tu nhân, từng làm quốc vương. Nhà vua thường tu hành thập thiện, lợi ích chúng sinh. Nhân dân trong nước ca ngợi nhà vua, nói rằng vua Ca-lợi tu hạnh nhân nhục cầu vô thượng Bồ-đề. Bấy giờ trời Đế-thích hóa làm kẻ khốn khổ xin thịt của vua. Vua liền cắt thịt mình mà cho, hoàn toàn không giận không sầu não. Hiện có hai thuyết đều có lý.

“Tu-bồ-đề ! Ta còn nhớ quá khứ trong năm trăm đời làm người tiên nhân nhục. Trong thời gian đó ta không có ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng.”

Như Lai trong lúc tu nhân, năm trăm đời tu hạnh nhân nhục Ba-la-mật. Được bốn tướng không sinh, Như Lai tự thuật sự tu nhân thời quá khứ để khiến tất cả những người tu hành thành tựu nhân nhục Ba-la-mật. Người tu hạnh nhân nhục Ba-la-mật thì

không thấy tất cả những tội lỗi của người, oán thân bình đẳng, chẳng có thị phi, bị người đánh mắng làm hại, vui vẻ nhịn chịu mà còn tôn trọng. Người tu hạnh như vậy tức có thể thành tựu nhãn nhục Ba-la-mật.

“Vì vậy cho nên, Tu-bồ-đề ! Bồ-tát phải liả tất cả các tướng, phát tâm Vô thượng Bồ-đề, không nên trụ ở sắc sinh tâm, không nên trụ ở thanh, hương, vị, xúc, pháp sinh tâm, nên sinh tâm không có chỗ trụ.”

Nói không nên trụ sắc sinh tâm là nói chung, nói thanh, hương v.v... là nêu tên từng thứ. Đây là nơi sáu trần làm cho khởi tâm yêu ghét. Do các vọng tâm này tích chứa, không thể giác chiếu, càng lúc càng xa Phật hạnh.

Dầu siêng năng khổ luyện tu hành, không trừ được tâm cấu uế cũng không bao giờ giải thoát. Xét từ căn bản, đều do trụ tâm nơi sắc v.v...Nếu có thể mỗi niệm thường

thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, tư duy các pháp là không, thì không sinh cố chấp, mỗi niệm thường tinh tiến, một lòng gìn giữ không buông thả phóng túng. Kinh Tịnh Danh nói : Cầu nhất thiết trí, không lúc nào không cầu. Kinh Đại Bát-nhã nói : Bồ-tát Ma-ha-tát ngày đêm siêng năng tinh tiến, thường trụ nơi pháp Bát-nhã Ba-la-mật, giống như tâm tương ưng không lúc nào rời bỏ.

“Nếu tâm có chỗ trụ, tức chẳng phải chỗ trụ.”

Nếu tâm trụ ở Niết-bàn thì đó chẳng phải chỗ trụ của Bồ-tát. Không trụ ở Niết-bàn, không trụ ở các pháp, không trụ ở tất cả mọi chỗ mới là chỗ trụ của Bồ-tát. Đó chính là trên văn kinh nói nên sinh tâm ở nơi không có chỗ trụ.

“Thế nên Phật nói tâm Bồ-tát không nên trụ ở sắc...mà bố thí.”

Tu-bồ-đề ! Bồ-tát vì lợi ích tất cả chúng sinh nên bố thí như vậy. ”

Bồ-tát không vì mong cầu hạnh phúc bản thân mà làm bố thí, chỉ vì trong thì phá trừ tâm tham, ngoài vì lợi ích chúng sinh mà làm bố thí.

“Như Lai nói tất cả các tướng là chẳng phải tướng. Lại nói tất cả chúng sinh là chẳng phải chúng sinh. ”

Như nghĩa là không sinh. Lai nghĩa là không diệt. Không sinh là ngã, nhân ,không sinh. Không diệt là giác chiếu không diệt. Câu văn kinh ở dưới nói : Như Lai là không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, nên gọi là Như Lai. Như Lai nói các tướng ngã nhân v.v...rất cuộc đều có thể hư hoại, không phải là thể chân thật. Tất cả chúng sinh đều là tên giả, nếu lìa vọng tâm tức chẳng có chúng sinh

nào cả cho nên nói tức chẳng phải chúng sinh.

“Tu-bồ-đề ! Như Lai là người nói đúng, nói thật, nói như lời, nói không lừa dối, nói không quái lạ.”

Nói đúng là nói tất cả hữu tình vô tình đều có Phật tính. Nói thật là nói chúng sinh tạo nghiệp ác nhất định chịu quả báo khổ. Nói như lời là nói chúng sinh tu các pháp lành nhất định có quả báo an vui. Nói không lừa dối là nói pháp Bát-nhã Ba-la-mật xuất sinh tam thế Phật chắc chắn không dối. Nói không quái lạ là những điều Như Lai thuyết giảng từ bậc sơ thiện trung thiện hậu thiện, ý chỉ đều vi diệu, tất cả thiên ma ngoại đạo không ai có thể vượt hơn cũng không thể đả phá lời Phật nói .

“Tu-bồ-đề ! Pháp Như Lai chứng đắc, pháp ấy không phải thật cũng không phải trống rỗng.”

Nói không phải thật vì pháp thể trống vắng, không có tướng chứng đắc. Nhưng trong đó có hắng sa tính đức, dùng không thiếu, nên nói không phải trống rỗng. Muốn nói pháp ấy là thật thì lại không có hình tướng có thể nắm bắt. Muốn nói pháp ấy trống rỗng, thì lại có diệu dụng vô cùng. Cho nên không thể nói không, không thể nói có. Có mà chẳng phải có, không mà chẳng phải không. Bao nhiêu ngôn ngữ, thí dụ đều bất cập, chỉ có chân trí mới đạt được thôi. Nếu không lìa tướng tu hành không sao đến được.

“Tu-bồ-đề ! Nếu Bồ-tát trụ tâm nơi pháp mà bố thí, thì như người vào trong tối chẳng thấy được gì.”

Bồ thí mà tâm còn chấp trước, sẽ không hiểu được lý không, của ba cái thể của việc bồ thí. Như người mù ở chỗ tối tăm, hoàn toàn chẳng thấy rõ. Kinh Hoa Nghiêm nói : Hàng Thanh văn trong pháp hội của Như Lai, nghe pháp mà như đui như điếc. Đó là vì còn trụ nơi pháp tướng.

“Nếu Bồ-tát không trụ tâm nơi pháp mà bồ thí, thì như người sáng mắt, khi mặt trời chiếu sẽ thấy các sắc màu.”

Nếu Bồ-tát thường tu hạnh Bát-nhã Ba-la-mật-đa vô trước vô tướng, thì như người sáng mắt, ở trong ánh sáng mặt trời chỗ nào chẳng thấy.

“Tu-bồ-đề ! Đời sau nếu có thiện nam thiện nữ, đối với kinh này có thể thụ trì đọc tụng, sẽ được Như Lai dùng trí tuệ của Phật biết rõ thấy rõ những người này đều thành tựu công đức vô lượng vô biên.”

Nói đời sau là sau khi Như Lai nhập diệt. Sau năm trăm năm là đời ác trược, tà giáo đua nhau nổi lên, chính pháp khó lưu hành. Trong lúc này, nếu có thiện nam thiện nữ, gặp được kinh này, theo thầy học tập, đọc tụng trong tâm, y nghĩa tu hành, tinh tiến không vọng niệm, ngộ nhập tri kiến Phật, tức có thể thành tựu vô thượng Bồ-đề. Do đó ba đời chư Phật đều hay biết.

15- Công đức thụ trì kinh

“Tu-bồ-đề ! Nếu có thiện nam thiện nữ, buổi sáng đem hằng sa thân mạng bố thí, buổi trưa lại đem hằng sa thân mạng bố thí, buổi chiều cũng đem hằng sa thân mạng bố thí, đem thân bố thí như vậy đến vô lượng trăm ngàn vạn kiếp; nhưng nếu lại có người nghe kinh điển này tin tưởng không sai, thì phúc người này hơn phúc người trước, huống

chi còn sao chép thụ trì đọc tụng, giảng giải cho người khác.”

Phật nói thời mạt pháp được nghe kinh này, tin tưởng không sai trái, không sinh bốn tướng, thì đó là tri kiến của Phật. Công đức người này hơn công đức xả thân nhiều kiếp của người trước, trăm ngàn vạn lần không thể ví dụ. Một niệm nghe kinh được phúc còn nhiều, huống chi còn sao chép thụ trì đọc tụng và giảng giải cho người khác. Phải biết người này chắc chắn thành tựu Vô thượng chính đẳng chính giác. Vì vậy dùng nhiều phương tiện để giảng nói kinh điển rất sâu xa này, giúp người lìa các tướng, được Vô thượng chính đẳng chính giác. Công đức đạt được rộng lớn vô biên.

Tuy xả thân nhiều kiếp mà không hiểu các pháp vốn không, tâm còn năng sở, chưa lìa kiến chấp chúng sinh. Nếu có thể nghe kinh ngộ đạo, nhanh chóng trừ hết ngã nhân, thì ngay dưới một câu nói là Phật rồi. Đem

cái phúc hữu lậu của sự xả thân, thật không thể so sánh kịp với cái tuệ vô lậu của sự trì kinh. Cho nên dầu bổ thí của báu đầy khắp mười phương hay xả thân ba đời cũng không bằng thụ trì bốn câu kệ của kinh này.

“Tu-bồ-đề ! Tóm lại kinh này là không thể nghĩ bàn, không thể đo lường, công đức vô biên.”

Người thụ trì kinh, tâm không ngã sở, không ngã sở nên là Phật tâm. Công đức Phật tâm, là không biên giới nên nói không thể đo lường.

“Như Lai nói kinh này vì người phát tâm Đại thừa, vì người phát tâm Tối thượng thừa.

Nếu có ai có thể thụ trì đọc tụng, vì mọi người giảng nói rộng rãi, Như Lai đều thấy đều biết, những người này sẽ thành tựu công đức không thể đo, không thể lường, không có giới hạn, không thể nghĩ bàn. Những người

như vậy là những người gánh vác pháp Vô thượng chính đẳng chính giác của Như Lai.”

Người Đại thừa là người có trí tuệ rộng lớn, có khả năng tạo dựng tất cả pháp. Người Tối thượng thừa thì không pháp cấu uế nào có thể làm ô nhiễm, cũng không tìm kiếm pháp thanh tịnh nào, không thấy có chúng sinh được độ, cũng không thấy có Niết-bàn chúng đắc, không có tâm nghĩ mình độ chúng sinh, mà cũng không phải không độ chúng sinh, Đó gọi là Tối thượng thừa, cũng gọi là Nhất thiết trí, cũng gọi Vô sinh nhẫn, cũng gọi Đại Bát-nhã. Nếu ai phát tâm cầu Phật đạo vô thượng, nghe pháp vô tướng vô vi rất sâu này, thì phải tin hiểu thụ trì và vì người giảng nói khiến giác ngộ lý sâu, không chê bai chống báng, được sức nhẫn nhục lớn, được năng lực trí tuệ lớn, được sức phương tiện lớn, mới có thể phổ biến lưu thông kinh này. Người có căn trí cao nghe kinh này hiểu sâu Phật ý, tự trì kinh trong tâm, cứu cánh

thấy tính, rồi khởi hạnh lợi tha, vì người khác giảng nói, khiến người học tự giác ngộ lý vô tướng, thấy được bản tính Như Lai, thành tựu đạo vô thượng. Phải biết người nói pháp được công đức không giới hạn, không thể đo lường. Người nghe kinh hiểu nghĩa, theo giáo pháp tu hành, lại vì người khác giảng nói rộng rãi, khiến các chúng sinh được hiểu rõ, tu hành hạnh vô tướng vô trước. Do có thể thực hành hạnh này nên có được đại trí tuệ sáng suốt, ra khỏi trần lao. Tuy ra khỏi trần lao nhưng không có ý niệm thoát ly trần lao, tức là được Vô thượng chính đẳng chính giác, cho nên nói là gánh vác sứ mệnh của Như Lai. Phải biết người thụ trì kinh này, tự có công đức vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn.

“Bởi vì sao ? Tu-bồ-đề ! Vì nếu người ưa thích pháp Tiểu thừa, chấp trước ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến thì

với kinh này không thể nghe, không thể thụ trì đọc tụng giảng nói cho người khác.”

Thế nào là người ưa thích pháp Tiểu thừa ? Đó là hạng nhị thừa Thanh văn, ưa thích quả nhỏ, không phát tâm rộng lớn. Cho nên với pháp sâu xa của Như Lai, không thể thụ trì đọc tụng giảng nói cho người khác.

“Tu-bồ-đề ! Bất cứ nơi nào có kinh này, tất cả trời, người, A-tu-la trong thế gian đều phải cúng dường. Phải biết nơi đây tức tháp Phật phải cung kính làm lễ, đi nhiễu dùng hương hoa tung rải nơi đây.”

Nếu ai miệng tụng Bát-nhã, tâm thực hành Bát-nhã, bất cứ ở đâu cũng thường tu hạnh vô vi vô tướng, thì nơi có người ấy như có tháp Phật, cảm được tất cả người, trời, đều đến cúng dường cung kính đỉnh lễ, không khác gì Phật vậy. Người có thể thụ trì kinh này thì trong tâm tự có Thế Tôn, cho nên nói

như tháp Phật, chùa Phật. Phải biết công đức đạt được vô lượng vô biên.

16- Có khả năng làm sạch nghiệp chướng

“Lại nữa, Tu-bồ-đề ! Thiện nam thiện nữ thụ trì đọc tụng kinh này, nếu bị người khinh rẻ là vì đời trước đã tạo tội phải đọa vào đường ác. Nay vì bị người khinh rẻ mà tội nghiệp đời trước được tiêu tan và sẽ được Vô thượng Bồ-đề.”

Phật nói người thụ trì kinh đều được tất cả trời, người, cung kính cúng dường. Vì kiếp trước nghiệp chướng nặng, kiếp này tuy được thụ trì kinh điển thậm thâm của chư Phật, mà thường bị người đời khinh rẻ, không được người cung kính cúng dường. Tự mình nhờ thụ trì kinh điển nên không khởi các tướng ngã, nhân, không phân biệt oan thân, thường cung kính tôn trọng, tâm không sâu hận, vô tư không tính toán, mỗi niệm thường thực

hành hạnh Bát-nhã không thoái lui. Nhờ tu hành được như vậy mà bao nhiêu tội chướng cực ác từ vô lượng kiếp đến nay đều được tiêu diệt.

Lại nữa nói theo lý, thì đời trước có nghĩa là vọng tâm của niệm trước, đời này có nghĩa là giác tâm của niệm sau. Dùng cái giác tâm của niệm sau làm giảm nhẹ cái vọng tâm của niệm trước. Cái vọng không trụ, nên tội nghiệp đời trước tiêu diệt. Vọng niệm diệt, thì tội nghiệp không thành, như vậy tức được Bồ-đề.

“Tu-bồ-đề ! Ta nhớ quá khứ vô số kiếp, trước thời Phật Nhiên Đăng, đã gặp tám trăm bốn ngàn vạn ức triệu triệu chư Phật, ta đều phụng sự cúng dường không bỏ qua một vị nào. Nhưng nếu có ai ở thời kỳ cuối sau này có thể thụ trì đọc tụng kinh này thì công đức còn hơn công đức ta đã cúng dường chư Phật. Công đức của ta so với công đức của người kia không bằng một phần trăm, phần

*ngàn phần vạn phần ức cho đến dùng toán số
thí dụ cũng không bằng được.”*

Cúng dường hằng sa chư Phật, bố thí của báu đầy ba ngàn thế giới, xả thân số như vi trần v.v... các phúc đức ấy không bằng thụ trì kinh, một niệm hiểu ngộ lý vô sinh, dứt tâm mong cầu, xa lìa các tri kiến điên đảo tức đến bờ kia, hằng ra khỏi ba cõi chúng Niết-bàn vô dư.

*“Tu-bồ-đề ! Nếu thiện nam thiện nữ
trong thời kỳ cuối sau này có ai thụ trì đọc
 tụng kinh này, mà ta nói đầy đủ hết các công
đức của người ấy, người nghe sẽ hoảng loạn
 nghi ngờ không tin. “*

Phật nói chúng sinh thời mạt pháp đạo đức mỏng manh, cấu uế nặng nề, đố kỵ sâu, tà kiến mạnh. Trong thời kỳ như vậy, nếu thiện nam thiện nữ thụ trì đọc tụng kinh này, trọn thành pháp tướng, hiểu rõ không có sở

đắc, mỗi niệm thường thực hành từ bi hỷ xả, khiêm cung nhu hòa, cứu cánh sẽ thành tựu Vô thượng Bồ-đề. Cũng có người không biết chính pháp của Như Lai là thường tại bất diệt, nghe nói sau khi Như Lai diệt độ, năm trăm năm sau có người có thể thành tựu tâm vô tướng, thực hành hạnh vô tướng, được Vô thượng Bồ-đề, thì tâm sinh kinh sợ nghi ngờ không tin.

“Tu-bồ-đề ! Phải biết nghĩa lý kinh này là không thể nghĩ bàn, quả báo cũng không thể nghĩ bàn.”

Nghĩa lý kinh này là hạnh vô trước, vô tướng. Nói không thể nghĩ bàn là khen ngợi hạnh vô trước vô tướng có khả năng thành tựu Vô thượng chính đẳng chính giác.

17- Cứu cánh vô ngã

*“Lúc bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật rằng :—
Thưa Thế Tôn ! Thiện nam thiện nữ phát tâm
Vô thượng Bồ-đề thì trụ tâm như thế nào,
hành phục tâm như thế nào ?*

*Phật bảo Tu-bồ-đề : Thiện nam thiện nữ
phát tâm Vô thượng Bồ-đề phải sinh tâm như
thế này : Ta phải diệt độ tất cả chúng sinh,
diệt độ tất cả chúng sinh rồi, mà không thấy
có một chúng sinh nào được diệt độ.”*

Tu-bồ-đề hỏi Phật : Sau khi Như Lai nhập
diệt rồi, năm trăm năm sau nếu có người phát
tâm Vô thượng Bồ-đề, thì y theo pháp nào trụ
tâm, và làm sao hành phục tâm mình ? Phật
nói phải phát tâm độ thoát tất cả chúng sinh,
độ thoát tất cả chúng sinh thành Phật rồi,
không được thấy có một chúng sinh nào được
mình độ thoát. Bởi vì sao ? Vì trừ cái tâm
năng sở, trừ cái tâm thấy có chúng sinh, và
cũng trừ cái tâm ngã kiến.

“Bởi vì sao ? Tu-bồ-đề ! Vì nếu Bồ-tát có ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng, tức chẳng phải Bồ-tát.”

Nếu Bồ-tát thấy có chúng sinh được mình độ, đó là ngã tướng, có cái tâm thấy chúng sinh có thể độ được, đó là nhân tướng. Cho rằng Niết-bàn có thể tìm kiếm được, đó là chúng sinh tướng, thấy có Niết-bàn có thể chứng, đó là thọ giả tướng. Có bốn tướng này tức chẳng phải Bồ-tát.

“Bởi vì sao ? Tu-bồ-đề ! Vì thật chẳng có pháp gì gọi là người phát tâm Vô thượng Bồ-đề.”

Nói có pháp, đó là bốn pháp ngã, nhân, v.v...Không trừ bốn pháp, không bao giờ được Bồ-đề. Nếu nói ta là người phát tâm Bồ-đề, cũng là pháp nhân, ngã v.v... Các pháp nhân ngã là cội gốc của mọi phiền não.

“Tu-bồ-đề ! Ý ông nghĩ sao ? Như Lai khi ở nơi Phật Nhiên Đăng có được pháp Vô thượng Bồ-đề chăng ?

–Không, thưa Thế Tôn ! Theo chỗ con hiểu ý nghĩa Phật nói, thì Phật ở nơi Phật Nhiên Đăng không được một pháp nào gọi là Vô thượng Bồ-đề.

Phật nói : Đúng như vậy, đúng như vậy !”

Phật bảo Tu-bồ-đề : Khi ta ở chỗ thầy ta, nếu không trừ bốn tướng có được thụ ký chăng ? Tu-bồ-đề hiểu rõ lý vô tướng nên trả lời không. Rất đúng ý Phật nên Phật nói : Đúng như vậy, đúng như vậy. Đó là lời ẩn khả.

“Tu-bồ-đề ! Thật không có pháp gọi là Như Lai được Vô thượng Bồ-đề.

Tu-bồ-đề ! Nếu có pháp Như Lai được Vô thượng Bồ-đề, thì Phật Nhiên Đăng đã

không thụ ký cho ta rằng : Đòi sau ông sẽ thành Phật hiệu Thích-ca Mâu-ni.

Bởi vì thật không có pháp Như Lai được Vô thượng Bồ-đề, nên Phật Nhiên Đăng thụ ký cho ta rằng : Đòi sau ông sẽ thành Phật hiệu Thích-ca Mâu-ni.

Bởi vì sao ? Vì Như Lai là nghĩa Như của các pháp.”

Phật nói : Thật không ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, mới được thụ ký thành Phật. Nếu ta có ý niệm phát tâm Bồ-đề, Phật Nhiên Đăng ắt không thụ ký cho ta. Bởi thật không có sở đắc, Phật Nhiên Đăng mới thụ ký cho ta. Đoạn này Phật tổng kết nghĩa vô ngã cho Tu-bồ-đề. Phật nói nghĩa Như của các pháp, nghĩa là các pháp tức sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Trong sáu trần này, khéo phân biệt mà bản thể vẫn thường tĩnh lặng, không nhiễm trước, không hề thay đổi, bất động như hư không, viên thông thấu suốt, thường tồn tại mãi mãi, đó gọi là nghĩa Như của các

pháp. Kinh Bồ-tát Anh Lạc nói : Không động tâm trước sự khen chê là hạnh của Như Lai. Kinh Nhập Phật Cảnh Giới nói : Không nhiễm các dục nên kính lễ, quán niệm các pháp là vô sở đắc.

“Nếu có ai nói Như Lai được Vô thượng Bồ-đề, thì này Tu-bồ-đề, thật không có pháp gì gọi là Như Lai được Vô thượng Bồ-đề.

Tu-bồ-đề ! Cái Vô thượng Bồ-đề Như Lai đạt được, trong đó không có thật cũng không phải trống rỗng.”

Phật nói thật không có tâm sở đắc mà được Bồ-đề, là vì cái tâm sở đắc không sinh, cho nên được Bồ-đề. Ngoài cái tâm này, không có Bồ-đề nào có thể được, cho nên nói không thật. Tâm sở đắc tịch diệt, Nhất thiết trí là bản hữu, đầy đủ tất cả muôn hạnh và hằng sa đức tính, công dụng không thiếu, cho nên nói không phải trống rỗng.

“Vì vậy Như Lai nói tất cả pháp đều là Phật pháp.

Tu-bồ-đề ! Nói tất cả pháp, tức chẳng phải tất cả pháp, đó mới là tất cả pháp.”

Đối với các pháp, tâm không chọn lấy cái này bỏ cái kia, không phân biệt năng sở chủ khách, tạo dựng tất cả pháp mạnh mẽ như lửa bốc cháy mà tâm thường trống vắng, nên biết tất cả pháp đều là Phật pháp. Sợ người mê tham đắm tất cả pháp cho là Phật pháp, nên đề trừ bệnh này, mà nói tức chẳng phải tất cả pháp. Tâm không năng sở, vắng lặng mà thường chiếu soi, định tuệ song hành, thể dụng nhất trí, nên nói là tất cả pháp.

“Tu-bồ-đề ! Ví như thân người cao lớn.

Tu-bồ-đề nói :—Thưa Thế Tôn ! Như Lai nói thân người cao lớn, tức chẳng phải thân lớn, đó mới là thân lớn.

Như Lai nói thân người cao lớn, tức không phải thân lớn là để làm cho chúng sinh thấy rõ Pháp thân là không hai, không có hạn lượng, đó là thân lớn. Pháp thân vốn không có xứ sở, nên nói tức chẳng phải thân lớn. Lại nữa dầu sắc thân to lớn mà trong không có trí tuệ, tức chẳng phải thân lớn. Sắc thân tuy nhỏ mà trong có trí tuệ, được gọi là thân lớn. Tuy có trí tuệ mà không y vào trí tuệ tu hành, tức chẳng phải thân lớn. Y theo giáo pháp tu hành, ngộ nhập trí kiến của chư Phật, tâm không năng sở, không hạn lượng, đó là thân lớn.

“Tu-bồ-đề ! Bồ-tát cũng như vậy. Nếu nói mình sẽ độ thoát vô lượng chúng sinh, thì không gọi là Bồ-tát.”

Nếu Bồ-tát mà nói nhờ ta thuyết pháp nên người kia trừ được phiền não, như thế là pháp ngã. Nếu nói ta độ được chúng sinh, như thế là có ngã sở. Độ thoát chúng sinh mà

tâm còn năng sở, nhân, ngã không trừ, không thể gọi là Bồ-tát. Nếu dũng mãnh dùng mọi phương tiện hóa độ chúng sinh, tâm không năng sở, như thế là Bồ-tát.

“Bởi vì sao ? Tu-bồ-đề ! Thật không có một pháp nào được gọi là Bồ-tát. Cho nên Phật nói tất cả pháp không ngã không nhân, không chúng sinh, không thọ giả.

Tu-bồ-đề ! Nếu Bồ-tát nói ta sẽ làm cho cõi Phật trang nghiêm, như vậy không được gọi là Bồ-tát.

Bởi vì sao ? Như Lai nói cõi Phật trang nghiêm, tức chẳng phải trang nghiêm, như vậy mới là trang nghiêm.”

Nếu Bồ-tát nói ta có khả năng tạo dựng thế giới, như vậy tức chẳng phải Bồ-tát. Dầu tạo dựng thế giới mà tâm có năng sở, tức chẳng phải Bồ-tát. Dũng mãnh tạo dựng thế giới, không sinh tâm năng sở, đó là Bồ-tát. Kinh Tối Thắng Diệu Định nói : Giả sử có

người lập được Tinh xá bằng bạc khắp ba ngàn đại thiên thế giới, không bằng một niệm thiền định. Tâm có năng sở, tức chẳng phải thiền định. Năng sở không sinh là thiền định. Thiền định tức là tâm thanh tịnh.

“Tu-bồ-đề ! Bồ-tát thấu triệt pháp vô ngã, Như Lai nói đích thực là Bồ-tát.”

Thấu triệt là không trở ngại đối với tướng của các pháp. Không có ngã pháp là không cố gắng đem tâm tìm hiểu các pháp. Người không ngã pháp, Như Lai nói đích thực là Bồ-tát. Hành trì tùy theo khả năng cũng được gọi là Bồ-tát, nhưng chưa phải là Bồ-tát đích thực. Hiểu và thực hành đầy đủ trọn vẹn, dứt hết tất cả tâm năng sở, mới được gọi đích thực là Bồ-tát.

18- Đồng quán một thể

“Tu-bồ-đề ! Ý ông nghĩ sao ? Có đúng Như Lai có nhục nhãn không ?

–Đúng vậy, thưa Thế Tôn ! Như Lai có nhục nhãn.

Tu-bồ-đề ! Ý ông nghĩ sao ? Có đúng Như Lai có thiên nhãn không ?

–Đúng vậy, thưa Thế Tôn ! Như Lai có thiên nhãn.

Tu-bồ-đề ! Ý ông nghĩ sao ? Có đúng Như Lai có tuệ nhãn không ?

–Đúng vậy, thưa Thế Tôn ! Như Lai có tuệ nhãn.

Tu-bồ-đề ! Ý ông nghĩ sao ? Có đúng Như Lai có pháp nhãn không ?

–Đúng vậy, thưa Thế Tôn ! Như Lai có pháp nhãn.

Tu-bồ-đề ! Ý ông nghĩ sao ? Có đúng Như Lai có Phật nhãn không ?

–Đúng vậy, thưa Thế Tôn ! Như Lai có Phật nhãn.”

Tất cả mọi người đều có năm loại mắt, vì mê nên không tự thấy. Vì vậy Phật dạy trừ bỏ tâm mê thì năm mắt mở sáng. Mỗi niệm tu hành pháp Bát-nhã Ba-la-mật. Mới trừ tâm mê, gọi là con mắt thứ nhất nhục nhãn : con mắt thịt. Thấy tất cả chúng sinh đều có tính Phật, khởi lòng xót thương, đó là con mắt thứ hai thiên nhãn : con mắt trời. Tâm ngu si không sinh là con mắt thứ ba tuệ nhãn : con mắt tuệ. Trừ bỏ tâm chấp các pháp, là con mắt thứ tư pháp nhãn : con mắt pháp. Vĩnh viễn hết tất cả phiền não vi tế, tròn sáng chiếu khắp, là con mắt thứ năm Phật nhãn : con mắt Phật. Cũng nói thấy Pháp thân trong sắc thân là thiên nhãn. Thấy tất cả chúng sinh đều đủ tính Bát-nhã là tuệ nhãn. Thấy tính sáng suốt, vĩnh viễn trừ năng sở, tất cả Phật pháp xưa nay vốn tự đầy đủ là pháp nhãn. Thấy Bát-nhã Ba-la-mật có thể sinh tất cả pháp trong ba đời là Phật nhãn.

“Tu-bồ-đề ! Ý ông nghĩ sao ? Như cát trong sông Hằng, Như Lai nói đúng là cát không ?

–Đúng vậy, thưa Thế Tôn ! Như Lai nói là cát.

Tu-bồ-đề ! Ý ông nghĩ sao ? Như có số cát trong một con sông Hằng lại có số sông Hằng bằng với số cát ấy, và các cõi Phật bằng với số cát những con sông Hằng ấy, như vậy có nhiều không ?

–Rất nhiều, thưa Thế Tôn !”

Sông Hằng là con sông gần Tinh xá Kỳ Hoàn ở nước Tây Trúc. Như Lai thuyết pháp thường lấy con sông này làm ví dụ. Phật nói cát trong sông này, cứ một hạt cát là một thế giới Phật, ông có cho là nhiều không ? Tu-bồ-đề nói : Rất nhiều, thưa Thế Tôn. Phật nêu con số nhiều các cõi nước này là muốn làm rõ rằng mỗi mỗi chúng sinh trong ngàn ấy cõi nước cũng có nhiều tâm tưởng như vậy.

“Phật bảo Tu-bồ-đề rằng trong các cõi nước ấy, có bao nhiêu chúng sinh, bao nhiêu tâm tưởng, Như Lai đều biết hết.

Bởi vì sao ? Như Lai nói các tâm đều chẳng phải tâm, đó gọi là tâm.”

Trong các cõi nước ấy có bao nhiêu chúng sinh, và mỗi mỗi chúng sinh có bao nhiêu tâm tưởng. Số tâm tưởng tuy nhiều nhưng nói chung là vọng tâm. Nếu biết vọng tâm là chẳng phải tâm thì cái biết đó là tâm. Tâm này là chân tâm, tâm thường còn, tâm Phật,, tâm trí tuệ đến bờ kia, tâm thanh tịnh Bồ-đề Niết-bàn đó.

“Bởi vì sao ? Tu-bồ-đề ! Không thể có được cái tâm quá khứ, không thể có được tâm hiện tại, không thể có được tâm vị lai.”

Không thể có được cái tâm quá khứ là vì niệm trước là vọng tâm, lặn lẽ đã qua, không truy tìm đâu ra. Không thể có được

tâm hiện tại là vì chân tâm thì không có tướng, dựa vào đâu mà thấy ? Không thể có được tâm vị lai là vì căn bản đã không thể có được, tập khí đã hết, không phát sinh trở lại. Hiểu rõ ba tâm đều không thể có được tức là Phật.

19- Pháp giới thông hóa

“Tu-bồ-đề ! Ý ông nghĩ sao ? Nếu có người đem bảy báu đầy trong ba ngàn đại thiên thế giới ra bố thí, do nhân duyên này, người ấy được phúc nhiều không ?

–Đúng vậy, thưa Thế Tôn ! Do nhân duyên này người ấy được phúc rất nhiều.

Tu-bồ-đề ! Nếu phúc đức là có thật, Như Lai đã không nói được nhiều phúc đức. Vì phúc đức là không nên Như Lai nói được phúc đức nhiều.”

Phúc do bố thí bảy báu không thể thành tựu quả Phật Bồ-đề, cho nên nói không. Nói

là nhiều, vì nó vô số không có giới hạn, nếu có thể vượt qua thì không gọi là nhiều.

20- Rời bỏ sắc tướng

“Tu-bồ-đề ! Ý ông nghĩ sao ? Có thể đem sắc thân đầy đủ mà cho là thấy Như Lai không ?

–Không, thưa Thế Tôn ! Không nên đem sắc thân đầy đủ mà cho là thấy Như Lai. Bởi vì sao ? Vì Như Lai nói biết sắc thân đầy đủ tức chẳng phải sắc thân đầy đủ, đó mới là sắc thân đầy đủ.”

Ý Phật sợ chúng sinh không thấy Pháp thân mà chỉ thấy ba mươi hai tướng tốt cùng tám mươi vẻ đẹp, thân vàng rực rỡ mà cho đó là chân thân của Như Lai. Để trừ mê chấp này nên hỏi Tu-bồ-đề rằng có thể lấy cái tướng sắc thân đầy đủ mà xem đó là Như Lai không. Ba mươi hai tướng không phải là sắc thân đầy đủ. Trong đủ ba mươi hai hạnh

thanh tịnh mới là sắc thân đầy đủ. Hạnh thanh tịnh tức là sáu Ba-la-mật. Trong năm căn thì tu sáu Ba-la-mật. Trong ý căn thì tu định và tu tuệ. Đó gọi là sắc thân đầy đủ. Chỉ yêu suông ba mươi hai tướng của Như Lai, trong không thực hành ba mươi hai hạnh thanh tịnh, tức chẳng phải sắc thân đầy đủ. Không yêu sắc tướng Như Lai, tự mình giữ hạnh thanh tịnh cũng được gọi là sắc thân đầy đủ.

“Tu-bồ-đề ! Ý ông nghĩ sao ? Có thể đem các tướng đầy đủ mà cho là thấy Như Lai không ?

–Không, thưa Thế Tôn ! Không nên đem các tướng đầy đủ mà cho là thấy Như Lai. Bởi vì sao ? Vì Như Lai nói biết các tướng đầy đủ tức chẳng phải đầy đủ, đó mới là các tướng đầy đủ.”

Như Lai là Pháp thân vô tướng, không thể thấy bằng con mắt thịt, con mắt tuệ mới thấy được. Chưa đầy đủ sáng suốt của con mắt tuệ

thì sinh các tướng ngã, nhân rồi lấy đó xem ba mươi hai tướng, cho đó là Như Lai, nên không gọi là đầy đủ. Mắt tuệ sáng suốt, không sinh tướng ngã, nhân, chính trí sáng suốt thường chiếu soi, đó là các tướng đầy đủ. Ba độc chưa tiêu hết, mà nói thấy chân thân Như Lai, chắc chắn không có lý như vậy. Cho dầu có thể trông thấy, đó chỉ là hóa thân chẳng phải Pháp thân chân thật vô tướng.

21- Không nói pháp, không pháp để nói

“Ông chớ nói Như Lai có ý nghĩ này : Ta sẽ thuyết pháp. Chớ có ý nghĩ như vậy. Bởi vì sao ? Nếu ai nói Như Lai có thuyết pháp tức phỉ báng Phật, không hiểu điều ta nói.

Tu-bồ-đề ! Nói thuyết pháp tức không có pháp nào để nói, đó mới là thuyết pháp.”

Phàm phu nói pháp, tâm có sở đắc, nên Phật bảo Tu-bồ-đề rằng Như Lai thuyết pháp, tâm không sở đắc. Phàm phu nói pháp là đem cái tâm phân biệt hiểu biết ra mà nói. Còn Như Lai nói hay im lặng đều như thật. Lời nói ra, như vang ứng tiếng, tác dụng tự nhiên không dụng tâm. Không phải như phàm phu đem tâm sinh diệt ra mà nói. Nếu nói Như Lai thuyết pháp có tâm sinh diệt là phỉ báng Phật. Kinh Duy-ma nói : Thật sự thuyết pháp là không giảng nói, không chỉ bày, nghe pháp là không nghe không nhận được.

Hiểu rõ vạn pháp vắng lặng, tất cả ngôn từ đều giả lập. Từ nơi tính không, dựng mãi tạo ra tất cả ngôn từ, diễn nói các pháp vô tướng vô vi, dắt dẫn người mê thấy được bản tính, tu chứng Vô thượng Bồ-đề, đó gọi là thuyết pháp.

“Lúc bấy giờ Tuệ mạng Tu-bồ-đề bạch Phật rằng : –Thưa Thế Tôn! Liệu có chúng

sinh trong đời vị lai nghe pháp này phát sinh lòng tin chẳng ?

Phật bảo Tu-bồ-đề : Những người ấy không phải chúng sinh, cũng chẳng phải không phải chúng sinh.

Bởi vì sao ? Tu-bồ-đề ! Chúng sinh là gì ? Như Lai bảo không phải chúng sinh, đó là chúng sinh.”

22- Không được một pháp nào

“Tu-bồ-đề bạch Phật : –Thưa Thế Tôn ! Phật được Vô thượng Bồ-đề có phải là lúc không có gì gọi là đạt được chẳng ?

Phật bảo : Đúng như vậy, đúng như vậy !

Tu-bồ-đề ! Đối với pháp Vô thượng Bồ-đề, ta chẳng có tí gì gọi là đạt được. Đó mới là gọi Vô thượng Bồ-đề.

Tu-bồ-đề nói : –Hết cái tâm sở đắc, tức là Bồ-đề.

*Phật bảo : Đúng như vậy, đúng như vậy !
Đối với Bồ-đề, ta thật không có tâm mong
cầu, cũng không có tâm nghĩ mình đạt được,
như thế nên được gọi là Vô thượng Bồ-đề.*

23- Tịnh tâm thực hành thiện pháp

*“Lại nữa, Tu-bồ-đề ! Pháp ấy bình đẳng ,
không cao không thấp, nên gọi Vô thượng
Bồ-đề. Dem cái tâm không ngã, không nhân,
không chúng sinh, không thọ giả, tu tất cả
thiện pháp thì đạt được Vô thượng Bồ-đề.”*

Pháp Bồ-đề này, trên từ chư Phật, dưới đến hạng sâu bọ cũng đều có hạt giống trí, y như Phật không khác, cho nên nói bình đẳng không cao thấp. Vì Bồ-đề là không hai, nên chỉ cần lìa bốn tướng, tu tất cả thiện pháp, tức được Bồ-đề. Nếu không lìa bốn tướng mà tu tất cả thiện pháp, thì lại càng tăng thêm tâm nhân, ngã, muốn giải thoát cũng không do đâu chứng được. Nếu lìa bốn tướng, tu tất cả

thiện pháp thì có thể giải thoát. Tu tất cả thiện pháp là đối với tất cả các pháp, tâm không nhiệm trước; đối với tất cả các cảnh, tâm không dao động; đối với pháp xuất thế, không tham đắm, không chấp trước, không say mê. Trong tất cả mọi nơi, thường thực hành phương tiện, tùy theo chúng sinh làm cho chúng hoan hỷ tin phục, vì chúng nói chính pháp khiến giác ngộ Bồ-đề, như vậy mới gọi là tu tất cả thiện pháp.

“Tu-bồ-đề ! Nói thiện pháp, Như Lai bảo chẳng phải thiện pháp mới là thiện pháp.”

Tu tất cả thiện pháp, mong cầu được quả báo, tức chẳng phải thiện pháp. Lục độ, vạn hạnh, dũng mãnh thực hành đầy đủ mà tâm không cầu báo đáp, đó là thiện pháp.

24- Phúc và trí không thể so sánh

“ Tu-bồ-đề ! Nếu có người đem bảy báu chất đầy như các núi chúa Tu-di trong ba ngàn đại thiên thế giới ra bố thí, và có người thụ trì đọc tụng giảng nói cho người khác, dù chỉ bốn câu kệ trong Kinh Bát-nhã Ba-la-mật này, thì phúc đức người này so với người trước, gấp trăm ngàn vạn ức lần, cho đến toán số thí dụ không nói hết được. ”

Núi Đại Thiết vi cao rộng hai trăm hai mươi bốn vạn dặm. Núi Tiểu Thiết vi cao rộng một trăm mười hai vạn dặm. Núi Tu-di cao rộng ba trăm ba mươi sáu vạn dặm. Lấy đó gọi là ba ngàn đại thiên thế giới. Đứng về lý mà nói, mỗi vọng niệm tham sân si đều đủ một ngàn. Những núi như vậy đều gọi là Tu-di. Đem số bảy báu ấy bố thí, công đức đạt được vô lượng vô biên, nhưng tất cả đều là nghiệp nhân hữu lậu, nên theo lý thì không giải thoát. Bốn câu trong Kinh Bát-nhã Ba-la-mật tuy ít nhưng theo đó tu hành thì sẽ thành Phật. Phải biết phúc đức thụ trì kinh có thể

làm cho chúng sinh chúng được Bồ-đề. Vì vậy mà nói không thể so sánh.

25- Hóa độ và không chỗ hóa độ

“Tu-bồ-đề ! Ý ông nghĩ sao ? Các ông chớ nên bảo rằng Như Lai có ý nghĩ : Ta phải độ chúng sinh.

Tu-bồ-đề ! Chớ nên có ý nghĩ như vậy. Bởi vì sao ? Vì thật chẳng có chúng sinh nào Như Lai độ. Nếu nói có chúng sinh Như Lai độ, tức Như Lai có ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả.”

Tu-bồ-đề có ý nghĩ cho rằng Như Lai có tâm niệm độ chúng sinh. Phật muốn phá bỏ tâm nghi ngờ đó, nên nói chớ nghĩ như vậy. Tất cả chúng sinh vốn tự là Phật, nếu nói Như Lai độ chúng sinh thành Phật, tức vọng ngữ. Vì vọng ngữ cho nên tức là ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Câu này là để trừ cái tâm niệm có ngã sở. Tuy tất cả chúng sinh đều có Phật

tính, nhưng nếu không nhân chú Phật thuyết pháp, không do đâu giác ngộ được, không dựa vào đâu tu hành thành tựu Phật đạo.

“Tu-bồ-đề ! Như Lai nói có ngã, tức chẳng phải có ngã, mà phàm phu cho là có ngã.

Tu-bồ-đề ! Phàm phu, Như Lai nói tức chẳng phải phàm phu, đó gọi là phàm phu.”

Như Lai nói có ngã, ngã đó là tự tính thanh tịnh, là ngã của thường, lạc, ngã, tịnh, không như cái ngã tham sân, vô minh, hư vọng không thật của phàm phu. Cho nên nói phàm phu cho là có ngã. Có ngã, nhân, là phàm phu. Không sinh ngã, nhân, tức chẳng phải phàm phu. Tâm có sinh diệt là phàm phu. Tâm không sinh diệt tức chẳng phải phàm phu. Không hiểu ngộ Bát-nhã Ba-la-mật-đa là phàm phu. Hiểu ngộ Bát-nhã Ba-la-mật-đa tức chẳng phải phàm phu. Tâm có

năng sở là phạm phu. Tâm không năng sở tức chẳng phải phạm phu.

26- Pháp thân không hình tướng

“Tu-bồ-đề ! Ý ông nghĩ sao ? Có thể lấy ba mươi hai tướng quan sát Như Lai không ?

Tu-bồ-đề nói : –Đúng như vậy, đúng như vậy ! Có thể lấy ba mươi hai tướng quan sát Như Lai.

Phật bảo : Tu-bồ-đề ! Nếu lấy ba mươi hai tướng quan sát Như Lai, thì Chuyển luân thánh vương tức là Như Lai.

Tu-bồ-đề bạch Phật : –Thưa Thế Tôn ! Theo chỗ con hiểu nghĩa Phật nói, thì không thể lấy ba mươi hai tướng quan sát Như Lai.”

Thế Tôn đại từ sợ Tu-bồ-đề chưa trừ được bệnh chấp tướng nên hỏi thế. Tu-bồ-đề chưa hiểu ý Phật nên đã trả lời như vậy. Nói đúng như vậy, là tâm mê từ trước, lại nói lấy

ba mươi hai tướng quan sát Như Lai, là thêm một tầng mê tâm nữa, rời tâm chân thật càng xa, cho nên Như Lai nói để trừ mê tâm này. Nếu lấy ba mươi hai tướng quan sát Như Lai thì Chuyển luân thánh vương tức Như Lai sao ? Chuyển luân thánh vương tuy có ba mươi hai tướng, lẽ nào được đồng với Như Lai. Thế Tôn đưa ra câu nói này để trừ cái bệnh chấp tướng của Tu-bồ-đề, để cho chỗ hiểu ngộ được triệt để. Tu-bồ-đề bị hỏi như vậy, tâm mê liền lập tức được cởi mở. Cho nên nói : Như chỗ con hiểu ý nghĩa Phật nói, thì không nên lấy ba mươi hai tướng quan sát Như Lai.

Tu-bồ-đề là bậc Đại A-la-hán đã hiểu ngộ sâu sắc, được phương tiện không sinh vào đường mê là nhờ Thế Tôn tẩy trừ các mê hoặc vi tế, làm cho chỗ thấy của chúng sinh đời sau không sai lầm.

“Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ rằng :

*Trông ta bằng sắc tướng,
Cầu ta bằng âm thanh,
Là người tu tà đạo,
Không thấy được Như Lai.”*

Sắc là hình tướng. Nhìn thấy là nhận thức. Ngã là nói cái tự tính thanh tịnh trong thân tất cả chúng sinh, là cái thể chân thường vô vi vô tướng. Không thể cất tiếng lớn niệm Phật mà được thành Phật. Niệm phải chính niệm rõ ràng mới được hiểu ngộ. Nếu dùng sắc tướng âm thanh để tìm Phật, ắt không thể gặp được. Phải biết quán tướng Phật bằng sắc tướng, cầu pháp Phật trong âm thanh, là tâm còn sinh diệt, không liễu ngộ Như Lai.

27- Không đoạn không diệt

“Tu-bồ-đề ! Nếu ông nghĩ rằng Như Lai không tu đầy đủ các tướng tịnh hạnh mà được Bồ-đề, thì này Tu-bồ-đề, ông chớ nên nghĩ như vậy. Chớ nghĩ rằng Như Lai không

tu đầy đủ các tướng thanh tịnh mà được Bồ-đề.

Tu-bồ-đề ! Nếu ông nghĩ rằng người phát tâm Vô thượng Bồ-đề nói tướng các pháp là diệt mất, thì chớ nghĩ như vậy ! Bởi vì sao ? Vì người phát tâm Vô thượng Bồ-đề không nói tướng các pháp là diệt mất.”

Tu-bồ-đề nghe nói chân thân là lìa tướng, liền cho rằng không tu ba mươi hai tịnh hạnh cũng được Bồ-đề. Phật bảo Tu-bồ-đề chớ nên nói Như Lai không tu ba mươi hai tịnh hạnh cũng được Bồ-đề. Nếu ông nói không tu ba mươi hai tịnh hạnh cũng được Bồ-đề, tức làm đứt mất chủng tính Phật, không có chỗ như vậy.

28- Không nhận, không tham

“Tu-bồ-đề ! Nếu Bồ-tát đem bảy báu đầy khắp thế giới như cát sông Hằng ra bố thí, và lại có người biết tất cả các pháp là vô ngã,

thành tựu nhân lực, thì công đức vị Bồ-tát sau hơn vị Bồ-tát trước.

Bởi vì sao ? Tu-bồ-đề ! Vì chư Bồ-tát không nhận phúc đức.

Tu-bồ-đề bạch Phật : –Thưa Thế Tôn ! Vì sao Bồ-tát không nhận phúc đức ?

Tu-bồ-đề ! Bồ-tát làm các phúc đức mà không tham đắm nên nói không nhận phúc đức.”

Thấu triệt tất cả pháp, không có tâm năng sở, gọi là nhân. Người như vậy được phúc đức hơn phúc đức người bố thí bảy báu ở trước. Bồ-tát làm việc phúc đức không vì mình, vì lợi ích tất cả chúng sinh nên nói không nhận phúc đức.

29- Uy nghi vắng lặng

”Tu-bồ-đề ! Nếu có ai nói Như Lai nào đến, đi, ngồi, nằm, người đó không hiểu ý nghĩa ta nói.

Bởi vì sao ? Như Lai nghĩa là không từ đâu đến, cũng không đi đâu, mới là Như Lai.”

Như Lai là chẳng phải đến, chẳng phải chẳng đến, chẳng đi, chẳng phải chẳng đi, chẳng ngồi, chẳng phải chẳng ngồi, chẳng nằm, chẳng phải chẳng nằm. Trong bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi lúc nào cũng vắng lặng, tức là Như Lai.

30- Lý về tướng hợp nhất

“Tu-bồ-đề ! Nếu có thiện nam thiện nữ đem ba ngàn đại thiên thế giới nghiền nát thành vi trần, ý ông nghĩ sao, các vi trần ấy nhiều không ?

–Rất nhiều, thưa Thế Tôn ! Bởi vì sao ? Nếu các vi trần ấy là thật có, Phật đã chẳng nói là các vi trần.

Bởi vì sao ? Phật nói các vi trần, tức chẳng phải vi trần, đó mới là vi trần.”

Phật nói ba ngàn đại thiên thế giới để ví dụ cho tính của tất cả chúng sinh như số vi trần trong ba ngàn thế giới. Vi trần vọng niệm trên tính của tất cả chúng sinh, tức chẳng phải vi trần. Nghe kinh pháp hiệu ngộ đạo lý, trí tuệ giác ngộ thường chiếu soi, thẳng đến Bồ-đề mỗi niệm không dừng trụ, thường ở trong thanh tịnh. Như thế là vi trần thanh tịnh, gọi là các vi trần.

“ –Thưa Thế Tôn ! Ba ngàn đại thiên thế giới Như Lai nói, tức chẳng phải thế giới, đó gọi là thế giới. ”

Nói ba ngàn là ước về lý mà nói, tức là vọng niệm tham sân si mỗi thứ đều đủ ba ngàn. Tâm là gốc của thiện ác, có thể là phàm, cũng có thể trở thành thánh. Động tĩnh của tâm không thể lường được, rộng lớn vô biên, nên gọi đại thiên thế giới.

“Bởi vì sao ? Nếu thế giới là thật có, đó là tướng hợp nhất. Như Lai nói tướng hợp nhất, tức chẳng phải tướng hợp nhất, đó gọi là tướng hợp nhất.”

Trong tâm sáng rõ, không gì hơn hai pháp từ bi và trí tuệ. Do hai pháp này được Bồ-đề. Nói tướng hợp nhất, là tâm còn sở đắc. Tức chẳng phải tướng hợp nhất, là tâm không có sở đắc. Đó là tướng hợp nhất. Tướng hợp nhất , là không được lấy giả danh mà luận bàn thật tướng.

“Tu-bồ-đề ! Tướng hợp nhất, là chân lý không thể dùng ngôn ngữ giảng nói, mà kẻ phàm phu thì tham đắm vào sự tướng.”

Thành tựu Phật quả Bồ-đề do hai pháp từ bi và trí tuệ. Đây là chân lý không thể nói hết, vi diệu không thể diễn tả bằng ngôn từ. Thế nhưng phàm phu tham đắm vào văn tự, sự tướng, không tu hai pháp từ bi trí tuệ. Nếu

không thực hành hai pháp này mà cầu Vô
thượng Bồ-đề, làm sao đạt được ?

31- Tri kiến không sinh

*“Tu-bồ-đề ! Nếu có ai bảo rằng Phật nói
ngã kiến nhân kiến chúng sinh kiến thọ giả
kiến, Tu-bồ-đề ! Ý ông nghĩ sao, người ấy có
hiểu nghĩa ta nói không ?*

*–Không, thưa Thế Tôn ! Người ấy không
hiểu ý nghĩa Như Lai nói.*

*Bởi vì sao ? Thế Tôn nói ngã kiến, nhân
kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, tức chẳng
phải ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến,
thọ giả kiến, thế gọi là ngã kiến, nhân kiến,
chúng sinh, kiến thọ giả kiến.”*

Như Lai nói kinh này là để khiến chúng
sinh tự giác ngộ trí tuệ Bát-nhã, tự tu hành
quả Bồ-đề. Phàm phu không hiểu ý Phật liền
cho rằng Như Lai nói có ngã kiến, nhân kiến
v.v..., không biết Như Lai nói pháp Bát-nhã

Ba-la-mật sâu xa vô tướng vô vi. Cái ngã kiến, nhân kiến, v.v...Như Lai nói, không như cái ngã kiến, nhân kiến v.v...của phàm phu nói. Như Lai nói tất cả chúng sinh đều có Phật tính, đó là tri kiến về chân ngã. Nói tất cả chúng sinh có trí tuệ vô lậu, tính vốn đầy đủ, đó là tri kiến về nhân. Nói tất cả chúng sinh vốn tự không phiền não, đó là tri kiến về chúng sinh. Nói tất cả chúng sinh, tính vốn không sinh không diệt, đó là tri kiến về thọ giả.

“Tu-bồ-đề! Người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, đối với các pháp phải biết như vậy, thấy như vậy, tin hiểu như vậy, mà không sinh pháp tướng.

Tu-bồ-đề ! Như Lai nói pháp tướng, tức chẳng phải pháp tướng, đó là pháp tướng.”

Người phát tâm Bồ-đề phải thấy tất cả chúng sinh đều có Phật tính, phải thấy tất cả chúng sinh vốn tự đầy đủ giống trí vô lậu,

phải tin rằng tất cả chúng sinh tự tính vốn không sinh diệt. Tuy thực hành tất cả trí tuệ phương tiện lợi ích chúng sinh mà không có tâm phân biệt năng sở. Miệng nói pháp vô tướng mà tâm có năng sở, tức chẳng phải pháp tướng. Miệng nói pháp vô tướng, tâm thực hành hạnh vô tướng, mà tâm năng sở diệt, đó là pháp tướng.

32- Ứng hóa chẳng phải chân thật

“Tu-bồ-đề ! Nếu có người đem bảy báu đầy cả vô lượng vô số thế giới ra bố thí, và nếu có thiện nam thiện nữ phát tâm Bồ-đề thụ trì đọc tụng kinh này, vì người khác giảng nói, dù chỉ bốn câu kệ, phúc của người này hơn người trước.

Sao gọi là vì người diễn nói ? Là diễn nói mà không chấp tướng, y nhiên vững vàng chẳng chút động tâm.”

Phúc bổ thí bảy báu tuy nhiều, nhưng không bằng người phát tâm Bồ-đề thụ trì bốn câu kinh này và vì người giảng nói. Phúc này hơn phúc bổ thí kia trăm ngàn vạn ức, không thể ví dụ. Khéo léo dùng phương tiện thuyết pháp, quán sát căn cơ, ứng theo tâm lượng tùy trường hợp, đó gọi là vì người diễn nói. Với người nghe pháp, có rất nhiều đối tượng khác nhau, không nên đem tâm phân biệt, chỉ cần hiểu rõ cái tâm y nhiên vắng lặng, tâm không sở đắc, tâm không hơn thua, tâm không trông mong điều gì, tâm không sinh diệt, đó gọi là y nhiên bất động.

“Bởi vì sao ? Vì tất cả pháp hữu vi, như giấc mộng, như ảo hóa, như bọt nước, như bóng hình, như sương mai, như điện chớp. Phải có cái nhìn như vậy.”

Mộng là cái thân dối giả, huyền là vọng niệm, bọt nước là phiền não, bóng hình là nghiệp chướng. Các nghiệp trên đây là pháp

hữu vi. Chân thật thì lìa bỏ danh nghĩa hình thức. Giác ngộ thì không còn các nghiệp.

“Phật nói kinh này xong, trưởng lão Tu-bồ-đề cùng các Tì-kheo, Tì-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tất cả trời, người, A-tu-la trong thế gian được nghe những điều Phật nói đều rất vui mừng tin tưởng, lĩnh thụ phụng hành.”